



Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa II: Tổ chức quản lý y tế

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720801	Chuyên khoa cấp II	Quản lý y tế	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện Chủ đề 3. Mô hình quản lý, đánh giá bệnh viện trong và ngoài nước	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
2	8720701	Chuyên khoa cấp II	Y tế công cộng	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện Chủ đề 3. Mô hình quản lý, đánh giá bệnh viện trong và ngoài nước	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
Tổng cộng							8	20			0	20

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa I: Nội khoa

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720106	Chuyên Khoa I	Nội khoa	Chứng chỉ Nội tiêu hoá - gan mật - tụy (7TC); Hô hấp (7TC); Thận (7TC); HSCC (7TC);	Chẩn đoán, điều trị, tư vấn và quản lý được các bệnh thông thường trong chuyên ngành Nội tổng quát	Khoa Cấp cứu	2	10	15	45	0	15
						Khoa HSTC- CĐ	2	10	25	75	0	15
2	8720106	Chuyên khoa I	Nội khoa	Chứng chỉ Nội Tiêu hoá - gan mật - tụy (7TC); Hô hấp (7TC); Thận (7TC); HSCC (7TC);	Chẩn đoán, điều trị, tư vấn và quản lý được các bệnh thông thường trong chuyên ngành Nội tổng quát	Khoa Nội A	2	10	85	255	0	15
						Khoa Nội Tổng hợp	3	15	75	225	0	20
						Khoa Nội tim mạch	1	5	85	255	0	10
						Khoa Nội thận & Lọc	2	10	30	90	0	15

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						máu						
						Khoa Nội thần kinh	2	10	30	90	0	15
						Khoa Khám	2	10	0	0	0	15
4	8720106	Chuyên khoa I	Nội khoa			Khoa Nhiễm	2	10	25	75	0	15
Tổng cộng							29	145	690	2070	0	135

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa I: Ngoại khoa

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NG	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720106	Chuyên Khoa I	Ngoại khoa	Chẩn đoán hình ảnh (3TC)	Chẩn đoán hình ảnh học các bệnh thông thường trong chuyên ngành Ngoại khoa	Khoa chẩn đoán hình ảnh	2	10	15	45	0	15
2	8720106	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Gây mê hồi sức (3TC)	Thực hiện một số thao tác cơ bản trong GMHS Các phương pháp gây mê, gây tê, hồi sức bệnh nhân sau mổ	Khoa Gây mê hồi sức	2	10	25	75	0	15
3	8720106	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Ngoại cơ sở (3TC), Ngoại cấp cứu - Ngực bụng (8TC), Ngoại tiêu hoá (8TC), Gan -	Chẩn đoán, điều trị, tư vấn và quản lý được các bệnh thông thường trong chuyên ngành Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp 1	3	15	75	225	0	15
						Khoa Ngoại tổng hợp 2	3	15	75	225	0	15

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NG	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Mật - Tuy (8TC), Ngoại niệu (3TC), CTCH (3TC), Ung bướu (3TC), Ngoại thần kinh (3TC), Ngoại Tim mạch - Lồng ngực - Mạch máu (3TC)		Khoa Chấn thương chính hình	3	15	75	225	0	15
						Khoa Ngoại thần kinh	3	15	75	225	0	15
						Khoa Ung bướu	3	15	75	225	0	15
Tổng cộng							19	95	415	1245	0	105

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)
(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa I: Ngành điều dưỡng

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngđ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720106	Chuyên Khoa I	Điều Dưỡng	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Quy trình chăm sóc người bệnh tại khoa HSTC-CD	Khoa Cấp cứu	2	10	15	45	0	10
					Viết báo cáo/dự án/cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý người bệnh tại khoa HSTC- CD thực hiện đánh giá, tổ chức và thực hiện can thiệp chăm sóc hồi sức người bệnh nặng, người bệnh ngừng hô hấp- tuần hoàn thực hiện đánh giá, tổ chức và thực hiện can thiệp chăm sóc người bị tai nạn thương tích, bệnh lý cấp tính và ngộ độc.	Khoa HSTC- CD	2	10	25	75	0	10
2	8720106	Chuyên	Điều	Chăm	Quy trình chăm sóc	Khoa	2	10	85	255	0	10

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
		khoa I	dưỡng	sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	người bệnh nội khoa Viết báo cáo/dự án/cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý người bệnh tại Khoa Nội Thực hiện đánh giá, tổ chức và thực hiện can thiệp chăm sóc người bệnh nội khoa nặng, người bệnh ngừng hô hấp-tuần hoàn Xây dựng kế hoạch can thiệp và phòng bệnh cho người bệnh nội khoa	Nội A						
						Khoa Nội Tổng hợp	3	15	75	225	0	15
						Khoa Nội tim mạch	1	5	85	255	0	5
						Khoa Nội tiết	2	10	30	90	0	10
						Khoa Nội thần kinh	2	10	30	90	0	10
						Khoa Khám	2	10	0	0	0	10
3	8720106	Chuyên khoa I	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa Viết báo cáo/dự án/cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý người bệnh tại Khoa Ngoại Thực hiện đánh giá, tổ chức và thực hiện can thiệp chăm sóc người	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	4	20	90	270	0	20
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	2	10	65	195	0	10
						Khoa	1	5	40	120	0	5

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					bệnh ngoại khoa nặng, người bệnh ngừng hô hấp-tuần hoàn Xây dựng kế hoạch can thiệp và phòng bệnh cho người bệnh ngoại khoa	Ngoại thần kinh Khoa Ứng bướu	1	5	30	90	0	5
4	8720106	Chuyên khoa I	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Quy trình chăm sóc người mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp Viết báo cáo/dự án/cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý người bệnh tại Khoa Nhiễm Thực hiện chăm sóc người mắc các bệnh mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	2	10	25	75	0	10
Tổng cộng							29	145	690	2070	0	145

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa I: Y học gia đình

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720106	Chuyên Khoa I	Y học gia đình	Cấp cứu		Khoa Cấp cứu	2	10	15	45	0	10
						Khoa HSTC-CD	2	10	25	75	0	10
2	8720106	Chuyên khoa I	Y học gia đình	Nội khoa		Khoa Nội A	2	10	85	255	0	10
						Khoa Tổng hợp	3	15	75	225	0	15
						Khoa Nội tim mạch	1	5	85	255	0	5
						Khoa Nội tiết	2	10	30	90	0	10
						Khoa Nội thần kinh	2	10	30	90	0	10
						Khoa Khám	2	10	0	0	0	10
3	8720106	Chuyên	Y học	Ngoại		Khoa	4	20	90	270	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo ngd	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
		khoa I	gia đình	khoa		Ngoại tổng quát						
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	2	10	65	195	0	10
						Khoa Ngoại thần kinh	1	5	40	120	0	5
						Khoa Ung bướu	1	5	30	90	0	5
4	8720106	Chuyên khoa I	Y học gia đình			Khoa Nhiễm	2	10	25	75	0	10
Tổng cộng							29	145	690	2070	0	145

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Thạc sĩ: QLYT công cộng**

	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720801	Thạc sĩ	Quản lý y tế	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
2	8720701	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
Tổng cộng							8	20			0	20

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Thạc sĩ: Điều dưỡng**

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/họ c phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720801	Thạc sĩ	Quản lý y tế	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện Chủ đề 3. Mô hình quản lý, đánh giá bệnh viện trong và ngoài nước	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
2	8720701	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Thực hành quản lý và đánh giá bệnh viện	Chủ đề 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện	Phòng kế hoạch tổng hợp	2	5			0	5
					Chủ đề 2. Công tác quản lý tại bệnh viện Chủ đề 3. Mô hình quản lý, đánh giá bệnh viện trong và ngoài nước	Phòng Quản lý chất lượng	2	5			0	5
Tổng cộng							8	20			0	20

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học Y đa khoa

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	7720101	Đại học	Y khoa	Học phần Ngoại khoa (Ngoại cơ sở 1 (4TC), Ngoại cơ sở 2 (2TC), Ngoại bệnh lý 1 (4TC)	Chẩn đoán một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	15	150	90	270	0	150
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	6	60	65	195	0	60
						Khoa Ngoại thần kinh	5	50	40	120	0	50
						Khoa Ung bướu	5	50	30	90	0	50
	7720101	Đại học	Y khoa	Học phần Nội khoa: - Nội cơ sở 1 (4TC) - Nội cơ sở 2 (4TC)	Chẩn đoán điều trị bệnh nội khoa, phát hiện và xử trí kịp thời trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp	Khoa Cấp cứu	7	70	95	285	0	70
						Khoa HSTC-CD	7	70	85	255	0	70
						Khoa khám	3	30	0	0	0	30
						Khoa Nội A	7	70	85	255	0	70

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				- Nội bệnh lý 1 (4TC) - Nội bệnh lý 2 (4TC) - Nội cơ sở (2TC) - Bệnh học nội khoa (2TC)		Khoa Nội tổng hợp	7	70	75	225	0	70
						Khoa Nội tim mạch	8	80	85	255	0	90
						Khoa Nội tiết - ĐTB	6	60	30	90	0	60
						Khoa Nội thần kinh	7	70	30	90	0	70
						Khoa Lão	2	20	30	90	0	20
	7720101	Đại học	Y khoa	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	3	30	25	75	0	30
	7720101	Đại học	Y khoa	Phục hồi chức năng	Nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật di chứng thường gặp	Khoa PHCN	2	20	0	0	0	20
	7720101	Đại học	Y khoa	Da liễu	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh da liễu thường gặp	Khoa khám	3	30	0	0	0	30
	7720101	Đại học	Y khoa	Ung thư (2TC)	Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	Khoa Ung bướu	5	50	30	90	0	50
	7720101	Đại học	Y khoa	Gây mê hồi sức	Thực hiện một số thao	Khoa Gây mê	5	50	20	60	0	50

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					tác cơ bản trong phẫu thuật. Các phương pháp gây mê, gây tê, hồi sức	hồi sức						
	7720101	Đại học	Y khoa	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý TMH thường gặp	Khoa Tai mũi họng	6	60	10	30	0	60
	7720101	Đại học	Y khoa	Răng hàm mặt	Nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp	Khoa Răng hàm mặt	10	100	15	45	0	100
	7720101	Đại học	Y khoa	Chẩn đoán hình ảnh	Mô tả được tổn thương trên phim Xquang, Cắt lớp Vi tính, hình ảnh siêu âm. Chẩn đoán bệnh thông qua các phương tiện hình ảnh y học	Khoa chẩn đoán hình ảnh	5	50	30	90	0	50
	7720101	Đại học	Y khoa	Y học gia đình			3	30	0	0	0	30
Tổng cộng							133	1330	765	2295	0	1330

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học Y tế dự phòng

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Học phần Ngoại khoa (Ngoại cơ sở 1 (4TC), Ngoại cơ sở 2 (2TC), Ngoại bệnh lý 1 (4TC)	Chẩn đoán một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	8	75	45	135	0	75
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	3	30	33	98	0	30
						Khoa Ngoại thần kinh	3	25	20	60	0	25
						Khoa Ung bướu	3	25	15	45	0	25
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Học phần Nội khoa: - Nội cơ sở 1 (4TC) - Nội cơ sở 2 (4TC)	Chẩn đoán điều trị bệnh nội khoa, phát hiện và	Khoa Cấp cứu	4	35	48	143	0	35
						Khoa HSTC-	4	35	43	128	0	35

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				- Nội bệnh lý 1 (4TC) - Nội bệnh lý 2 (4TC) - Nội cơ sở (2TC) - Bệnh học nội khoa (2TC)	xử trí kịp thời trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp	CD						
						Khoa khám	2	15	0	0	0	15
						Khoa Nội A	4	35	43	128	0	35
						Khoa Nội tổng hợp	4	35	38	113	0	35
						Khoa Nội tim mạch	4	40	43	128	0	45
						Khoa Nội tiết - ĐTĐ	3	30	15	45	0	30
						Khoa Nội thần kinh	4	35	15	45	0	35
						Khoa Lão	1	10	15	45	0	10
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	2	15	13	38	0	15

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Phục hồi chức năng	Nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật di chứng thường gặp	Khoa PHCN	1	10	0	0	0	10
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Da liễu	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh da liễu thường gặp	Khoa khám	2	15	0	0	0	15
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Ung thư (2TC)	Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	Khoa Ung bướu	3	25	15	45	0	25
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Gây mê hồi sức	Thực hiện một số thao tác cơ bản trong phẫu thuật. Các phương pháp gây mê, gây tê, hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức	3	25	10	30	0	25
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị một	Khoa Tai mũi họng	3	30	5	15	0	30

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					sổ bệnh lý TMH thường gặp							
	7720110	Đại học	Y dự phòng	Răng hàm mặt	Nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp	Khoa Răng hàm mặt	5	50	8	23	0	50
Tổng cộng							67	665	383	1148	0	665

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Đại học Y tế công cộng**

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Ngoại khoa	Chẩn đoán một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	2	15	9	27	0	15
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	6	7	20	0	6
						Khoa Ngoại thần kinh	1	5	4	12	0	5
2	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Nội khoa	Chẩn đoán điều trị bệnh nội khoa, phát hiện và xử trí kịp thời trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp	Khoa Cấp cứu	1	5	3	9	0	5
						Khoa HSTC-CD	1	7	10	29	0	7
						Khoa khám	1	7	9	26	0	7
						Khoa Nội A	0	3	0	0	0	3
						Khoa Nội tổng hợp	1	7	9	26	0	7
						Khoa Nội tim mạch	1	7	8	23	0	7

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chí	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						Khoa Nội tiết - ĐTD	1	8	9	26	0	9
						Khoa Nội thần kinh	1	6	3	9	0	6
						Khoa Lão	1	7	3	9	0	7
3	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	0	2	3	9	0	2
4	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Phục hồi chức năng	Nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật di chứng thường gặp	Khoa PHCN	0	3	3	8	0	3
5	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Da liễu	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh da liễu thường gặp	Khoa khám	0	2	0	0	0	2
6	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Ung thư	Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	Khoa Ung bướu	0	3	0	0	0	3

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
7	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Gây mê hồi sức	Thực hiện một số thao tác cơ bản trong phẫu thuật. Các phương pháp gây mê, gây tê, hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức	1	5	3	9	0	5
8	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý TMH thường gặp	Khoa Tai mũi họng	1	5	2	6	0	5
9	7720101	Đại học	Y tế công cộng	Răng hàm mặt	Nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp	Khoa Răng hàm mặt	1	6	1	3	0	6
Tổng cộng							13	133	77	230	0	133

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)
(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học Dược

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720201	Đại học	Dược	Công tác nghị vụ dược	Tìm hiểu về các văn bản trong quản lý dược tại bệnh viện: Quy chế quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần; Quy chế đảm bảo chất lượng thuốc...	Khoa Dược	3	30	0	0	0	30
2	7720201	Đại học	Dược	Thông tin thuốc	- Biết cách thu thập, tổng hợp, đánh giá và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe - Nắm được các kiến thức về tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị: tác dụng, dược động học.	Khoa Dược	2	20	0	0	0	20
3	7720201	Đại học	Dược	Công tác dược lâm sàng tại	- Đảm bảo việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả trong điều trị, tránh	Khoa Dược	4	40	0	0	0	40

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chi	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				khoa Dược bệnh viện	tình trạng lạm dụng thuốc Kiểm soát được liều lượng, đề phòng được tác dụng phụ, giảm được các phản ứng có hại của thuốc gây ra							
4	7720201	Đại học	Dược	Công tác quản lý kho và cấp phát thuốc	- Biết cách quản lý và tổ chức cấp phát thuốc tại khoa Dược - Nhận biết được các thuốc hiện có trong khoa Dược bệnh viện - Nắm được công việc của Dược sĩ tại kho và quầy cấp phát thuốc bệnh viện	Khoa Dược	3	30	0	0	0	30
Tổng cộng							12	120	0	0	0	120

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)
 (kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học RHM

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	7720501	Đại học	Y khoa	Học phần Ngoại khoa (Ngoại cơ sở 1 (4TC), Ngoại cơ sở 2 (2TC), Ngoại bệnh lý 1 (4TC)	Chẩn đoán một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	2	15	9	27	0	15
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	6	7	20	0	6
						Khoa Ngoại thần kinh	1	5	4	12	0	5
						Khoa Ung bướu	1	5	3	9	0	5
	7720501	Đại học	Y khoa	Học phần Nội khoa: - Nội cơ sở 1 (4TC) - Nội cơ sở 2 (4TC)	Chẩn đoán điều trị bệnh nội khoa, phát hiện và xử trí kịp thời trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp	Khoa Cấp cứu	1	7	10	29	0	7
						Khoa HSTC-CD	1	7	9	26	0	7
						Khoa khám	0	3	0	0	0	3
						Khoa Nội A	1	7	9	26	0	7

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				- Nội bệnh lý 1 (4TC) - Nội bệnh lý 2 (4TC) - Nội cơ sở (2TC) - Bệnh học nội khoa (2TC)		Khoa Nội tổng hợp	1	7	8	23	0	7
						Khoa Nội tim mạch	1	8	9	26	0	9
						Khoa Nội tiết - ĐTĐ	1	6	3	9	0	6
						Khoa Nội thần kinh	1	7	3	9	0	7
						Khoa Lão	0	2	3	9	0	2
	7720501	Đại học	Y khoa	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	0	3	3	8	0	3
	7720501	Đại học	Y khoa	Phục hồi chức năng	Nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật di chứng thường gặp	Khoa PHCN	0	2	0	0	0	2
	7720501	Đại học	Y khoa	Da liễu	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh da liễu thường gặp	Khoa khám	0	3	0	0	0	3
	7720501	Đại học	Y khoa	Ung thư (2TC)	Chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	Khoa Ung bướu	1	5	3	9	0	5
	7720501	Đại	Y khoa	Gây mê	Thực hiện một số thao	Khoa Gây mê	1	5	2	6	0	5

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
		học		hồi sức	tác cơ bản trong phẫu thuật. Các phương pháp gây mê, gây tê, hồi sức	hồi sức						
	7720501	Đại học	Y khoa	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý TMH thường gặp	Khoa Tai mũi họng	1	6	1	3	0	6
	7720501	Đại học	Y khoa	Răng hàm mặt	Nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp	Khoa Răng hàm mặt	1	10	2	5	0	10
	7720501	Đại học	Y khoa	Chẩn đoán hình ảnh	Mô tả được tổn thương trên phim Xquang, Cắt lớp Vi tính, hình ảnh siêu âm. Chẩn đoán bệnh thông qua các phương tiện hình ảnh y học	Khoa chẩn đoán hình ảnh	1	5	3	9	0	5
	7720501	Đại học	Y khoa	Y học gia đình			0	3	0	0	0	3
Tổng cộng							13	127	87	261	0	128

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Đại học điều dưỡng**

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hiện các kỹ thuật cấp cứu, các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh cấp cứu, hồi sức tích cực	Khoa Cấp cứu	9	90	15	45	0	90
						Khoa HSTC-CD	4	40	25	75	0	40
2	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa nội), lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh	Khoa Khám	4	40	0			40
						Khoa Nội A	4	40	85	255	0	40
						Khoa Nội tổng hợp	4	40	75	225	0	40
						Khoa Nội tim mạch	5	50	85	255	0	50
						Khoa Nội tiết	4	40	30	90	0	40
						Khoa Nội thần kinh	5	50	30	90	0	50

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chí	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						Khoa Lão	3	30	30	90	0	30
3	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại), lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh	Khoa Ngoại tổng hợp 1, 2	4	40	90	270	0	40
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	4	40	65	195	0	40
						Khoa Ngoại thần kinh	4	40	40	120	0	40
						Khoa Ung bướu	3	30	30	90	0	30
4	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Khoa Nhiễm	3	30	25	75	0	30
5	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng	Khoa Phục hồi	4	40	0	0	0	40

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				người bệnh phục hồi chức năng	chăm sóc người bệnh PHCN	chức năng						
6	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh TMH	Khoa Tai mũi họng	3	30	10	30	0	30
					Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh RHM	Khoa Răng hàm mặt	3	30	15	45	0	30
Tổng cộng							80	800	745	2235	0	800

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học Kỹ thuật Hình ảnh học

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Nguyên lý các phương pháp tạo hình ảnh y học	Kiến tập Kỹ thuật chụp X Quang thông thường	Chẩn đoán hình ảnh	2	18	3	9	0	18
4	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp X quang thông thường 1	Thực tập lâm sàng các Kỹ thuật chụp X Quang thông thường	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	5	15	0	8
5	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp X quang thông thường 2	Thực tập lâm sàng các Kỹ thuật chụp X Quang thông thường	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	0	0	0	8
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y	Kỹ thuật X quang đặc biệt 1	Thực tập các kỹ thuật chụp X quang đặc biệt	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	17	51	0	8

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			học									
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt 2	Thực tập các kỹ thuật chụp X quang đặc biệt	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	15	45	0	8
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành Bệnh viện 1	Thực tập các kỹ thuật chụp X quang	Chẩn đoán hình ảnh	1	10	17	51	0	10
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	Thực tập các kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	6	18	0	8
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	Thực tập các kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Chẩn đoán hình ảnh	1	10	6	18	0	10

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chí	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật siêu âm	Kiểm tập các kỹ thuật siêu âm, sử dụng máy siêu âm cơ bản	Chẩn đoán hình ảnh	1	6	6	18	0	6
0	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	Thực tập các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	18	54	0	8
1	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành bệnh viện 2	Thực tập các kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Chẩn đoán hình ảnh	1	8	13	39	0	8
Tổng cộng							10	100	106	318	0	100

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Đại học Kỹ thuật xét nghiệm Y học

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành bệnh viện Hóa sinh	Cung cấp kiến thức về kỹ thuật Xét nghiệm Hóa sinh tại các lâm sàng trong bệnh viện về khâu tổ chức, phân luồng, làm việc; lấy, nhận trả kết quả cho bệnh nhân.	Khoa Xét nghiệm	2	18	3	9	0	18
2	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành bệnh viện Huyết học	Cung cấp kiến thức về kỹ thuật Xét nghiệm Huyết học tại các lâm sàng trong bệnh viện về khâu tổ chức, phân luồng, làm việc; lấy, nhận trả kết quả cho bệnh nhân.	Khoa Xét nghiệm	2	18	3	9	0	18
3	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành bệnh viện Vi sinh, Ký sinh trùng	Cung cấp kiến thức về kỹ thuật Xét nghiệm Vi sinh, ký sinh trùng tại các lâm sàng trong bệnh viện về khâu tổ chức, phân luồng, làm việc; lấy, nhận trả kết quả cho bệnh nhân.	Khoa Xét nghiệm	2	18	3	9	0	18

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành bệnh viện Xét nghiệm tế bào	Cung cấp kiến thức về xét nghiệm tế bào (giải phẫu bệnh) tại khu vực lâm sàng trong bệnh viện về khâu tổ chức, phân luồng, làm việc; lấy, nhận trả kết quả cho bệnh nhân.	Khoa Giải phẫu bệnh	2	18	3	9	0	18
3	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành bệnh viện cuối khóa: Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh và Ký sinh trùng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng xét nghiệm tổng hợp chuyên ngành hóa sinh, ký sinh trùng, vi sinh, huyết học, giúp đánh giá chức năng có liên quan đến bệnh tật, cung cấp kiến thức về hoạt động của các phòng xét nghiệm sinh hóa, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng tại cơ sở thực tập.	Khoa Xét nghiệm	2	18	3	9	0	18
Tổng cộng							10	90	15	45	0	90

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Dại học Kỹ thuật VLTL & PHCN**

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chi	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực hành các phương pháp điều trị trong Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Thực hành các phương pháp điều trị trong vật lý trị liệu - phục hồi chức năng vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	2	18	3	9	0	18
6	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực hành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng trong bệnh lý nhi khoa	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng bệnh lý nhi khoa vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	5	15	0	8
8	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực hành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng trong bệnh lý nội	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng bệnh lý nội khoa vào lâm sàng, ứng dụng cho từng	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	0	0	0	8

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			năng	khoa	loại bệnh lý.							
4	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng Vật lý trị liệu tim mạch - hô hấp	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng tim mạch - hô hấp vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	17	51	0	8
5	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng Vật lý trị liệu thần kinh - cơ	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng thần kinh - cơ vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	15	45	0	8
6	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực hành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng trong bệnh lý ngoại khoa, chấn thương chỉnh hình	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng bệnh lý ngoại khoa, chấn thương chỉnh hình vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	10	17	51	0	10

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
7	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng Vật lý trị liệu cơ xương	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cơ xương vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	6	18	0	8
8	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực hành vật lý trị liệu - phục hồi chức năng trong y học thể dục thể thao	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng bệnh lý về thể dục thể thao vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	10	6	18	0	10
9	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng Vật lý trị liệu da - tiết niệu - nội tiết - sinh dục	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng da - tiết niệu - nội tiết - sinh dục vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	6	6	18	0	6
10	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục	Lâm sàng Phục hồi chức năng	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức	Vật lý trị liệu và Phục hồi	1	8	18	54	0	8

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			hồi chức năng	khớp học chuyên biệt	năng về khớp học chuyên biệt vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	chức năng						
11	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Lâm sàng Phục hồi chức năng thần kinh chuyên biệt	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng về thần kinh học chuyên biệt vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	1	8	13	39	0	8
12	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Lâm sàng Phục hồi chức năng bệnh lý tim mạch - hô hấp - lão khoa chuyên biệt	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng về bệnh lý tim mạch - hô hấp - lão khoa chuyên biệt vào lâm sàng, ứng dụng cho từng loại bệnh lý.	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	3	30	30	90	0	30
13	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức	Lâm sàng Phục hồi chức năng nội tiết	Thực hành các kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng về nội tiết học vào lâm sàng, ứng	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	3	30	25	75	0	30

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chí	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			năng		dụng cho từng loại bệnh lý.							
Tổng cộng							18	160	161	483	0	160

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Cao đẳng Dược

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chí	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720201	Cao đẳng	Dược	Quản lý, cung ứng thuốc	Thực hành quản lý, cung ứng thuốc	Khoa Dược	4	60			0	60

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	6720201	Cao đẳng	Dược	Hệ thống được bệnh viện và thực tập bệnh viện	Tìm hiểu hệ thống được bệnh viện và thực tập bệnh viện	Khoa Dược	5	75			0	75
Tổng cộng							12	180	0	0	0	180



Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)*(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)***Cao đẳng KTV xét nghiệm**

ST T	Mã đào tạo	Trin h độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720306	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm huyết học	Thực hiện lấy máu, kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	5	75	0	0	0	75
2	6720306	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa	Thực hiện lấy máu, kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	5	75	0	0	0	75
3	6720306	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh	Thực hiện lấy máu, kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	4	60	0	0	0	60
Tổng cộng							14	210	0	0	0	210

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Cao đẳng Điều dưỡng

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hiện các kỹ thuật cấp cứu, các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh cấp cứu, hồi sức tích cực	Khoa Cấp cứu	3	45	15	45	0	30
						Khoa HSTC- CD	3	45	25	75	0	30
2	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa nội), lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh	Khoa Nội A	3	45	85	255	0	30
						Khoa Nội TH	3	45	75	225	0	30
						Khoa Nội tim mạch	3	45	85	255	0	30
						Khoa Nội tiết	2	30	30	90	0	20
						Khoa Nội thần kinh	3	45	30	90	0	30

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi (các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi)	Khoa Lão	2	30	30	90	0	20
4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại), lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh	Khoa Ngoại tổng hợp 1,2	3	45	90	270	0	30
						Khoa Ngoại thần kinh	2	30	40	120	0	20
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	3	45	65	195	0	30
5	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	Khoa Nhiễm	2	30	25	75	0	20
Tổng cộng							70	1050	780	2340	0	1050

Phụ lục 1
THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 01 thời điểm)
(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Y sĩ đa khoa

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Ngoại khoa	Chẩn đoán một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp	Khoa Ngoại tổng quát	15	150	90	270	0	150
						Khoa Chấn thương chỉnh hình	6	60	65	195	0	60
						Khoa Ngoại thần kinh	5	50	40	120	0	50
2	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Nội khoa	Chẩn đoán điều trị bệnh nội khoa, phát hiện và xử trí kịp thời trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp	Khoa Cấp cứu	7	70	95	285	0	70
						Khoa HSTC-CĐ	7	70	85	255	0	70
						Khoa khám	3	30	0	0	0	30
						Khoa Nội A	7	70	85	255	0	70
						Khoa Nội tổng hợp	7	70	75	225	0	70
						Khoa Nội tim mạch	8	80	85	255	0	90
						Khoa Nội tiết - ĐTĐ	6	60	30	90	0	60
						Khoa Nội thần kinh	7	70	30	90	0	70
						Khoa Lão	2	20	30	90	0	20

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	Khoa Nhiễm	3	30	25	75	0	30
4	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Phục hồi chức năng	Nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật di chứng thường gặp	Khoa PHCN	2	20	0	0	0	20
5	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Da liễu	Chẩn đoán và xử trí một số bệnh da liễu thường gặp	Khoa khám	3	30	0	0	0	30
6	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý TMH thường gặp	Khoa Tai mũi họng	6	60	10	30	0	60
7	5720101	Y sĩ đa khoa	Y khoa	Răng hàm mặt	Nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp	Khoa Răng hàm mặt	10	100	15	45	0	100
Tổng cộng							123	1845	765	2295	0	1845



Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Chuyên khoa II: Tổ chức quản lý y tế

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33		Tổ chức y tế	Ngoại TH	Không
2	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25			CTCH	
3	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27		Quản lý y tế	Cấp cứu	Không
4	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC & CĐ	

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

Cao học: chuyên ngành Y tế công cộng và điều dưỡng

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, gan mật, thận – tiết niệu, thận nhân tạo.	Cấp cứu	20
2	Thạch Ngọc Chiến	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	000284/TV- CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			Cấp cứu	20
3	Nguyễn Văn Sự	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	002355/TV- CCHN	Hồi sức cấp cứu	13			Cấp cứu	20
4	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
5	Nguyễn Văn Luyệt	BS.CKI	Nội khoa	000516/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
6	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC-CD	30

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
7	Diệp Văn Bền	BS.CKI	Nội khoa	003223/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	8			HSTC-CD	30
8	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/TV - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Nội tim mạch & Lão học	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch -lão học	Nội TM	100
9	Võ Thành Trung	BS.CKI	Nội khoa	000286/TV - CCHN	Nội Tim Mạch	19			Nội TM	100
10	Võ Thị Quốc Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/TV - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
11	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/TV - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Nội TH	65
12	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/TV - CCHN	Nội tổng hợp	23				
13	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/TV - CCHN	Nội tổng hợp	30			Khám bệnh	Không có giường bệnh / 6 ghế răng khám chữa bệnh ngoại trú
14	Dương Thị Thu Hồng	BS.CKI	Nội khoa	000164/TV - CCHN	Nội tổng hợp	31				
15	Nguyễn Ngọc Văn Thanh	BS.CKI	Da liễu	002526/TV - CCHN	Nội khoa & CK Da liễu	12	Khoa khám	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, Da liễu	Khám bệnh	
16	Nguyễn Thị Bích Thủy	BS.CKI	Nội khoa	004055/TV - CCHN	Nội khoa	6	Nội TH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội	Nội TH	65

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
17	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/TV - CCHN	Nội tổng hợp	23	Nội A	khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Nội A	12
18	Kim Thị Ngọc Mình	BS.CKI	Nội khoa, Nội huyết học	002720/TV- CCHN	Nội khoa	18	Huyết học LS	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý về máu	Nội TH	65
19	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/TV - CCHN	Nội thận – Lọc máu	18	Nội thận - Lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thẩm phân phức mại	Nội thận - Lọc máu	40
20	Bùi Ngọc Linh	BS.CKI	Nội khoa	000513/TV - CCHN	Nội thận – Lọc máu	17				40
21	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/TV - CCHN	Thần kinh	24	Nội TK	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý thần kinh	Thần kinh	30
22	Võ Văn Thanh	BS.CKI	Nội khoa	000746/TV - CCHN	Thần kinh	9			Thần kinh	30
23	Phan Văn Chúc	BS.CKI	Nội khoa	000659/TV - CCHN	Bệnh truyền nhiễm	28	Bệnh truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, truyền nhiễm	Truyền nhiễm	65
24	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/TV - CCHN	Tâm thần	37		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tâm thần	Tâm thần	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhế	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
25	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/TV - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130
26	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	33	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa, chấn thương chính hình, ngoại thần kinh	Ngoại TH	130
27	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	34			Ngoại tổng hợp	130
28	Lê Thị Đức Minh	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
29	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/TV - CCHN	Ngoại Ung bướu	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90
30	Kim Sốc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/TV - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
31	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/TV - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
32	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/TV - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
33	Tăng Chi Khởi	BS.CKI	Ngoại khoa	000231/TV - CCHN	CTCH	17			Ngoại CTCH	90

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
34	Thạch Hoàng Nhã	Bs CKI	Ngoại khoa	003259/TV- CCHN	CTCH	9			Ngoại CTCH	90
35	Dương Huy Khương	Bs CKI	Ngoại khoa	001648/TV- CCHN	CTCH	13			Ngoại CTCH	90
36	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/TV - CCHN	Thần kinh & sọ não	23		Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK	Ngoại thần kinh	50
37	Kim Ngọc Trắng	BS.CKI	Ngoại khoa	000209/TV - CCHN	Thần kinh & sọ não	17			Ngoại thần kinh	50
38	Lê Hoàng Nhã	Ths.BS	Ngoại khoa	000961/TV - CCHN	Thần kinh & sọ não	14			Ngoại thần kinh	50
39	Sơn Mặc Xây	BS.CKI	Ngoại khoa	003591/TV- CCHN	Thần kinh & sọ não	7			Ngoại thần kinh	50
40	Tô Văn Trường Đạt	BS đa khoa	Ngoại khoa	004267/TV- CCHN	Thần kinh & sọ não	5			Ngoại thần kinh	50
41	Phạm Lý Thanh	BS đa khoa	Ngoại khoa	004461/TV- CCHN	Thần kinh & sọ não	4			Ngoại thần kinh	50
42	Sơn Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/TV - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Mắt	Mắt	16

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
43	Kim Ngọc Thủy An	BS.CKII	Mắt	000106/TV - CCHN	Mắt	18			Mắt	16
44	Phan Thị Thanh Trúc	BS.CKI	Mắt	000108/TV - CCHN	Mắt	16			Mắt	16
45	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/TV - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Tai Mũi Họng	Tai mũi họng	8
46	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/TV - CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
47	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/TV- CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8
48	Lê Duy Anh	BS.CKI	Tai mũi họng	000132/TV- CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
49	Trần Huỳnh Phương Thảo	BS.CKI	Tai mũi họng	0004820/VL- CCHN	Tai mũi họng	02			Tai mũi họng	8
50	Nguyễn Thị Nhựt Nguyệt	BS.CKI	Tai mũi họng	0030843/HC M-CCHN	Tai mũi họng	9			Tai mũi họng	8
51	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/TV - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
52	Huỳnh Văn Tiềm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/TV - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chi	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
53	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/TV - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	12
54	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/TV - CCHN	Gây mê hồi sức	19			Gây mê hồi sức	12
55	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/TV - CCHN	Y học cổ truyền	24	Y học cổ truyền	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về YHCT	Y học cổ truyền	12
56	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/TV - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	Giải phẫu bệnh	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	Không có giường bệnh
57	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/TV- CCHN	Giải phẫu bệnh	4	Giải phẫu bệnh		Giải phẫu bệnh	
58	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/TV - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
59	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/TV- CCHN	Vật lý trị liệu	6	Vật lý trị liệu	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt.	Vật lý trị liệu	

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nhề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
								bệnh lý hô hấp- tim mạch lão khoa chuyên biệt		
60	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/TV - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi, DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	
61	Sơn Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/TV - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15			Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Chuyên khoa I)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/TV - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Tim mạch & lão học	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tim mạch - lão học	Nội TM	100
2	Võ Thị Quế Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/TV - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
3	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/TV - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật	Nội TH	65
4	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/TV - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội TH	65
5	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/TV - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội A	12
6	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/TV - CCHN	Nội tổng hợp	30			Khám bệnh	Không có giường bệnh
7	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/TV - CCHN	Nội thận - Lọc máu	18	Nội thận & lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thâm phân phúc mạc	Nội thận - Lọc máu	40
8	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa,	Cấp cứu	20

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
9	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27		hồi sức cấp cứu	HSTC-CD	30
10	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/TV - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC-CD	30
11	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/TV - CCHN	Thần kinh	24	Nội thần kinh	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa, thần kinh.	Thần kinh	30
12	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/TV - CCHN	Tâm thần	37	Tâm thần	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa, tâm thần.	Tâm thần	12
13	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/TV - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130
14	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	33	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa, chấn thương chính hình, ngoại thần kinh	Ngoại TH	130
15	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	34			Ngoại tổng hợp	130
16	Lê Thị Đức Mình	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/TV - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
17	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/TV - CCHN	Ngoại Ung	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chí	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					bướu					
18	Kim Sốc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/TV - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
19	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/TV - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
20	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/TV - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
21	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/TV - CCHN	Thần kinh & sọ não	23	Ngoại thần kinh		Ngoại thần kinh	50
22	Son Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/TV - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK	Mắt	16
23	Kim Ngọc Thúy An	BS.CKII	Mắt	000106/TV - CCHN	Mắt	18			Mắt	12
24	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/TV - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về TMH	Tai mũi họng	8
25	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/TV - CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
26	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/TV- CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chí	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
27	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/TV - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
28	Huỳnh Văn Tiêm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/TV - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12
29	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/TV - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	12
30	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/TV - CCHN	Gây mê hồi sức	19			Gây mê hồi sức	12
31	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/TV - CCHN	YHCT	24	YHCT	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về YHCT	Y học cổ truyền	12
32	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/TV - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	GPB	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	Không có giường bệnh
33	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/TV - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
34	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/TV - CCHN	Vật lý trị liệu	6	VLTL & PHCN	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp- tim	Vật lý trị liệu	

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chí	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
								mạch lão khoa chuyên biệt		
35	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/TV - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi, DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học Y đa khoa)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, gan mật, thận - tiết niệu, thận nhân tạo.	Cấp cứu	20
2	Thạch Ngọc Chiến	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	000284/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			Cấp cứu	20
3	Nguyễn Văn Sự	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	002355/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	13			Cấp cứu	20
4	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC- CD	30
5	Nguyễn Văn Luyệt	BS.CKI	Nội khoa	000516/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC- CD	30
6	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC- CD	30
7	Diệp Văn Bền	BS.CKI	Nội khoa	003223/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	8			HSTC- CD	30
8	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Nội tim mạch & Lão học	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch -	Nội TM	100
9	Võ Thành Trung	BS.CKI	Nội khoa	000286/T	Nội Tim	19			Nội TM	100

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
				V - CCHN	Mạch			lão học		
10	Võ Thị Quế Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/T V - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
11	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/T V - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp, Da liễu...	Nội TH	65
12	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội TH	65
13	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/T V - CCHN	Nội tổng hợp	30			Khám bệnh	Không có giường bệnh
14	Dương Thị Thu Hồng	BS.CKI	Nội khoa	000164/T V - CCHN	Nội tổng hợp	31			Khám bệnh	
15	Nguyễn Ngọc Vân Thanh	BS.CKI	Da liễu	002526/T V - CCHN	Nội khoa & CK Da liệu	12			Khám bệnh	
16	Nguyễn Thị Bích Thủy	BS.CKI	Nội khoa	004055/T V - CCHN	Nội khoa	6		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Nội TH	65
17	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội A	12
18	Kim Thị Ngọc Mình	BS.CKI	Nội khoa, Nội huyết học	002720/T V-CCHN	Nội khoa	18	Huyết học LS	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh	Nội TH	65

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
								lý về máu		
19	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/T V - CCHN	Nội thận - Lọc máu	18	Nội thận - Lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thăm phản phúc mạc	Nội thận - Lọc máu	40
20	Bùi Ngọc Linh	BS.CKI	Nội khoa	000513/T V - CCHN	Nội thận - Lọc máu	17				40
21	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/T V - CCHN	Thần kinh	24	Nội TK	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý thần kinh	Thần kinh	30
22	Võ Văn Thanh	BS.CKI	Nội khoa	000746/T V - CCHN	Thần kinh	9				30
23	Phan Văn Chúc	BS.CKI	Nội khoa	000659/T V - CCHN	Bệnh truyền nhiễm	28		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, truyền nhiễm	Truyền nhiễm	65
24	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/T V - CCHN	Tâm thần	37		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tâm thần	Tâm thần	12
25	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/T V - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130
26	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T	Ngoại	33	Ngoại tổng	Chẩn đoán và	Ngoại	130

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
				V - CCHN	tổng quát		hợp	điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa, chấn thương chính hình, ngoại thần kinh	TH	
27	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	34			Ngoại tổng hợp	130
28	Lê Thị Đức Minh	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
29	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90
30	Kim Sốc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
31	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
32	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
33	Tăng Chí Khởi	BS.CKI	Ngoại khoa	000231/T V - CCHN	CTCH	17			Ngoại CTCH	90
34	Thạch Hoàng Nhã	Bs CKI	Ngoại khoa	003259/T V-CCHN	CTCH	9			Ngoại CTCH	90
35	Dương Huy Khương	Bs CKI	Ngoại khoa	001648/T V-CCHN	CTCH	13			Ngoại CTCH	90

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
36	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23	Ngoại thần kinh & sọ não	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK.	Ngoại thần kinh	50
37	Kim Ngọc Trăng	BS.CKI	Ngoại khoa	000209/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	17			Ngoại thần kinh	50
38	Lê Hoàng Nhã	Ths.BS	Ngoại khoa	000961/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	14			Ngoại thần kinh	50
39	Sơn Mặc Xây	BS.CKI	Ngoại khoa	003591/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	7			Ngoại thần kinh	50
40	Tô Văn Trường Đạt	BS đa khoa	Ngoại khoa	004267/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	5			Ngoại thần kinh	50
41	Phạm Lý Thanh	BS đa khoa	Ngoại khoa	004461/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	4			Ngoại thần kinh	50
42	Sơn Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/T V - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Mắt	Mắt	16
43	Kim Ngọc Thủy An	BS.CKII	Mắt	000106/T V - CCHN	Mắt	18			Mắt	16
44	Phan Thị Thanh Trúc	BS.CKI	Mắt	000108/T V - CCHN	Mắt	16			Mắt	16

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
45	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/T V - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Tai Mũi Họng	Tai mũi họng	8
46	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/T V - CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
47	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/T V-CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8
48	Lê Duy Anh	BS.CKI	Tai mũi họng	000132/T V-CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
49	Trần Huỳnh Phương Thảo	BS.CKI	Tai mũi họng	0004820/ VL- CCHN	Tai mũi họng	02			Tai mũi họng	8
50	Nguyễn Thị Nhựt Nguyệt	BS.CKI	Tai mũi họng	0030843/ HCM- CCHN	Tai mũi họng	9			Tai mũi họng	8
51	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/T V - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
52	Huỳnh Văn Tiêm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/T V - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12
53	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội	Gây mê hồi sức	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
54	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	19		khoa, gây mê hồi sức		
55	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/T V - CCHN	Y học cổ truyền	24	Y học cổ truyền	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về YHCT	Y học cổ truyền	12
56	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/T V - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	Giải phẫu bệnh	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	Không có giường bệnh
57	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/T V-CCHN	Giải phẫu bệnh	4				
58	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/T V - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
59	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	6	Vật lý trị liệu	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp-	Vật lý trị liệu	

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
								tìm mạch lão khoa chuyên biệt		
60	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi, DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	
61	Son Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15				

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học Y tế dự phòng)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, gan mật, thận – tiết niệu, thận nhân tạo.	Cấp cứu	20
63	Thạch Ngọc Chiến	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	000284/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			Cấp cứu	20
64	Nguyễn Văn Sự	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	002355/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	13			Cấp cứu	20
65	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CĐ	30
66	Nguyễn Văn Luyệt	BS.CKI	Nội khoa	000516/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CĐ	30
67	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC-CĐ	30
68	Diệp Văn Bền	BS.CKI	Nội khoa	003223/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	8			HSTC-CĐ	30

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
69	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Nội tim mạch & Lão học	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch -lão học	Nội TM	100
70	Võ Thành Trung	BS.CKI	Nội khoa	000286/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	19			Nội TM	100
71	Võ Thị Quế Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/T V - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
72	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/T V - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Nội TH	65
73	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội TH	65
74	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/T V - CCHN	Nội tổng hợp	30			Khám bệnh	Không có giường bệnh / 6 ghế răng khám chữa bệnh ngoại trú
75	Dương Thị Thu Hồng	BS.CKI	Nội khoa	000164/T V - CCHN	Nội tổng hợp	31			Khám bệnh	
76	Nguyễn Ngọc Vân Thanh	BS.CKI	Da liễu	002526/T V - CCHN	Nội khoa & CK Da liễu	12		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, Da liễu	Khám bệnh	
77	Nguyễn Thị Bích Thủy	BS.CKI	Nội khoa	004055/T V - CCHN	Nội khoa	6		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Nội TH	65
78	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội A	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
79	Kim Thị Ngọc Minh	BS.CKI	Nội khoa, Nội huyết học	002720/T V - CCHN	Nội khoa	18	Huyết học LS	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý về máu	Nội TH	65
80	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/T V - CCHN	Nội thận – Lọc máu	18	Nội thận - Lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thâm phần phúc mạc	Nội thận - Lọc máu	40
81	Bùi Ngọc Linh	BS.CKI	Nội khoa	000513/T V - CCHN	Nội thận – Lọc máu	17				40
82	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/T V - CCHN	Thần kinh	24	Nội TK	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý thần kinh	Thần kinh	30
83	Võ Văn Thanh	BS.CKI	Nội khoa	000746/T V - CCHN	Thần kinh	9			Thần kinh	30
84	Phan Văn Chúc	BS.CKI	Nội khoa	000659/T V - CCHN	Bệnh truyền nhiễm	28	Bệnh truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, truyền nhiễm	Truyền nhiễm	65
85	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/T V - CCHN	Tâm thần	37		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tâm thần	Tâm thần	12
86	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/T V - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130
87	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại	Ngoại TH	130

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
88	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	34		tiêu hóa, chấn thương chỉnh hình, ngoại thần kinh	Ngoại tổng hợp	130
89	Lê Thị Đức Minh	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
90	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90
91	Kim Sốc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
92	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
93	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
94	Tăng Chí Khởi	BS.CKI	Ngoại khoa	000231/T V - CCHN	CTCH	17			Ngoại CTCH	90
95	Thạch Hoàng Nhâ	Bs CKI	Ngoại khoa	003259/T V-CCHN	CTCH	9			Ngoại CTCH	90
96	Dương Huy Khương	Bs CKI	Ngoại khoa	001648/T V-CCHN	CTCH	13			Ngoại CTCH	90
97	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23	Ngoại thần kinh & sọ não	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK	Ngoại thần kinh	50

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
98	Kim Ngọc Trắng	BS.CKI	Ngoại khoa	000209/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	17			Ngoại thần kinh	50
99	Lê Hoàng Nhã	Ths.BS	Ngoại khoa	000961/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	14			Ngoại thần kinh	50
100	Sơn Mặc Xây	BS.CKI	Ngoại khoa	003591/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	7			Ngoại thần kinh	50
101	Tô Văn Trường Đạt	BS đa khoa	Ngoại khoa	004267/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	5			Ngoại thần kinh	50
102	Phạm Lý Thanh	BS đa khoa	Ngoại khoa	004461/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	4			Ngoại thần kinh	50
103	Sơn Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/T V - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Mắt	Mắt	16
104	Kim Ngọc Thúy An	BS.CKII	Mắt	000106/T V - CCHN	Mắt	18			Mắt	16
105	Phan Thị Thanh Trúc	BS.CKI	Mắt	000108/T V - CCHN	Mắt	16			Mắt	16
106	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/T V - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Tai Mũi Họng	Tai mũi họng	8
107	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/T V - CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
108	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/T V-CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8
109	Lê Duy Anh	BS.CKI	Tai mũi họng	000132/T V-CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
110	Trần Huỳnh Phương Thảo	BS.CKI	Tai mũi họng	0004820/ VL- CCHN	Tai mũi họng	02			Tai mũi họng	8
111	Nguyễn Thị Nhật Nguyệt	BS.CKI	Tai mũi họng	0030843/ HCM- CCHN	Tai mũi họng	9			Tai mũi họng	8
112	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/T V - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
113	Huỳnh Văn Tiêm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/T V - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12
114	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	12
115	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	19			Gây mê hồi sức	12
116	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/T V - CCHN	Y học cổ truyền	24	Y học cổ truyền	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về YHCT	Y học cổ truyền	12
117	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/T V - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	Giải phẫu bệnh	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	Không có giường

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
118	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/T V-CCHN	Giải phẫu bệnh	4	Giải phẫu bệnh		Giải phẫu bệnh	bệnh
119	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/T V - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
120	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	6	Vật lý trị liệu	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp- tim mạch lão khoa chuyên biệt	Vật lý trị liệu	
121	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi, DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	
122	Sơn Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15			Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học Y Tế công cộng)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, gan mật, thận – tiết niệu, thận nhân tạo.	Cấp cứu	20
2	Thạch Ngọc Chiến	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	000284/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			Cấp cứu	20
3	Nguyễn Văn Sự	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	002355/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	13			Cấp cứu	20
4	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
5	Nguyễn Văn Luyệt	BS.CKI	Nội khoa	000516/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
6	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC-CD	30
7	Diệp Văn Bền	BS.CKI	Nội khoa	003223/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	8			HSTC-CD	30

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
8	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Nội tim mạch & Lão học	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch -lão học	Nội TM	100
9	Võ Thành Trung	BS.CKI	Nội khoa	000286/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	19			Nội TM	100
10	Võ Thị Quế Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/T V - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
11	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/T V - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ... Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, Da liễu	Nội TH	65
12	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội TH	65
13	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/T V - CCHN	Nội tổng hợp	30			Khám bệnh	Không có guồng bệnh / 6 ghế răng khám chữa bệnh ngoại trú
14	Dương Thị Thu Hồng	BS.CKI	Nội khoa	000164/T V - CCHN	Nội tổng hợp	31			Khám bệnh	
15	Nguyễn Ngọc Vân Thanh	BS.CKI	Da liễu	002526/T V - CCHN	Nội khoa & CK Da liệu	12			Khám bệnh	
16	Nguyễn Thị Bích Thủy	BS.CKI	Nội khoa	004055/T V - CCHN	Nội khoa	6			Nội TH	65
17	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội A	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
18	Kim Thị Ngọc Mình	BS.CKI	Nội khoa, Nội huyết học	002720/T V-CCHN	Nội khoa	18	Huyết học LS	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý về máu	Nội TH	65
19	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/T V - CCHN	Nội thận – Lọc máu	18	Nội thận - Lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thẩm phân phức mại		40
20	Bùi Ngọc Linh	BS.CKI	Nội khoa	000513/T V - CCHN	Nội thận – Lọc máu	17			Nội thận - Lọc máu	40
21	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/T V - CCHN	Thần kinh	24	Nội TK	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý thần kinh	Thần kinh	30
22	Vô Văn Thanh	BS.CKI	Nội khoa	000746/T V - CCHN	Thần kinh	9			Thần kinh	30
23	Phan Văn Chúc	BS.CKI	Nội khoa	000659/T V - CCHN	Bệnh truyền nhiễm	28		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, truyền nhiễm	Truyền nhiễm	65
24	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/T V - CCHN	Tâm thần	37		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tâm thần	Tâm thần	12
25	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/T V - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
26	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa, chấn thương chỉnh hình, ngoại thần kinh	Ngoại TH	130
27	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	34			Ngoại tổng hợp	130
28	Lê Thị Đức Minh	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
29	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90
30	Kim Sốc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
31	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
32	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
33	Tăng Chí Khởi	BS.CKI	Ngoại khoa	000231/T V - CCHN	CTCH	17			Ngoại CTCH	90
34	Thạch Hoàng Nhã	Bs CKI	Ngoại khoa	003259/T V-CCHN	CTCH	9			Ngoại CTCH	90
35	Dương Huy Khương	Bs CKI	Ngoại khoa	001648/T V-CCHN	CTCH	13			Ngoại CTCH	90

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
36	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23	Ngoại thần kinh & sọ não	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK	Ngoại thần kinh	50
37	Kim Ngọc Trăng	BS.CKI	Ngoại khoa	000209/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	17			Ngoại thần kinh	50
38	Lê Hoàng Nhã	Ths.BS	Ngoại khoa	000961/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	14			Ngoại thần kinh	50
39	Sơn Mặc Xây	BS.CKI	Ngoại khoa	003591/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	7			Ngoại thần kinh	50
40	Tô Văn Trường Đạt	BS đa khoa	Ngoại khoa	004267/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	5			Ngoại thần kinh	50
41	Phạm Lý Thanh	BS đa khoa	Ngoại khoa	004461/T V-CCHN	Thần kinh & sọ não	4			Ngoại thần kinh	50
42	Sơn Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/T V - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Mắt	Mắt	16
43	Kim Ngọc Thúy An	BS.CKII	Mắt	000106/T V - CCHN	Mắt	18			Mắt	16
44	Phan Thị Thanh Trúc	BS.CKI	Mắt	000108/T V - CCHN	Mắt	16			Mắt	16
45	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/T V - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Tai	Tai mũi họng	8

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
46	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/T V - CCHN	Tai mũi họng	14		Mũi Họng	Tai mũi họng	8
47	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/T V-CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8
48	Lê Duy Anh	BS.CKI	Tai mũi họng	000132/T V-CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
49	Trần Huỳnh Phương Thảo	BS.CKI	Tai mũi họng	0004820/ VL- CCHN	Tai mũi họng	02			Tai mũi họng	8
50	Nguyễn Thị Nhứt Nguyệt	BS.CKI	Tai mũi họng	0030843/ HCM- CCHN	Tai mũi họng	9			Tai mũi họng	8
51	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/T V - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
52	Huỳnh Văn Tiêm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/T V - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12
53	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	12
54	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	19			Gây mê hồi sức	12
55	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/T V - CCHN	Y học cổ truyền	24	Y học cổ truyền	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về	Y học cổ truyền	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
								YHCT		
56	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/T V - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	Giải phẫu bệnh	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	Không có giường bệnh
57	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/T V-CCHN	Giải phẫu bệnh	4	Giải phẫu bệnh		Giải phẫu bệnh	
58	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/T V - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
59	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	6	Vật lý trị liệu	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp- tim mạch lão khoa chuyên biệt	Vật lý trị liệu	
60	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi,	Chẩn đoán hình ảnh	

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
61	Sơn Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15		DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học, cao đẳng, trung cấp Dược)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Phạm Thị Hồng Liên	DSDH	Dược phẩm	408/TV-CCHN	Dược phẩm	25	Quản lý, cung ứng thuốc được bệnh viện và thực tập bệnh viện.	Thực hành quản lý, cung ứng thuốc được bệnh viện và thực tập bệnh viện.	Dược	
2	Lý Thị Tổ Uyên	DSDH	Dược lý - DLS	228/CCHN-D-SYT-TV	Dược phẩm	15			Dược	
3	Phan Thị Hồng Đào	DSCKI	Dược lý - DLS	200/CCHN-D-SYT-TV	Dược phẩm	19			Dược	
4	Huỳnh Thị Yến Nhi	DSDH	Dược sỹ	55/CCHN-D-SYT-TV	Dược phẩm	08			Dược	
5	Nguyễn Thị Bích Phượng	DSCKI	Dược phẩm	342/TV-CCHND	Dược phẩm	28			Vật tư y tế	
6	Lâm Trường Giang	ThS.QLBV	Dược phẩm	143/CCHN-D-SYT-TV	Dược phẩm	19			Vật tư y tế	
7	Nguyễn Thanh Hải	DSCKI	Dược phẩm	49/TV-CCHND	Dược phẩm	21			Vật tư y tế	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học / Điều dưỡng)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Hà Thị Thanh Hà	ĐD.CKI	Điều dưỡng	000606/T-V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	30	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cấp cứu, chăm sóc tích cực, nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	Phòng ĐD	
2	Lê Văn Lộc	ĐD.CKI	Điều dưỡng	000199/T-V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	34	Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc.	HSTC-CD	
3	Nguyễn Trần Phương Dung	CNDD	Điều dưỡng	000992/T-V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	20	Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	Thực hiện các kỹ thuật VLTL cơ bản	Ngoại TK	
4	Trương Ngọc Cảnh	CNDD	Điều dưỡng	004642/T-V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	34	Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm		Cấp cứu	
5	Trịnh Thị Kim Huyền	CNDD	Điều dưỡng	004871/T-V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	19	Hướng dẫn tập		TM - LK	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
6	Võ Thị Hồng Kim Tuyền	CNDD	Điều dưỡng	000272/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	15	VLTL cơ bản		Nội tổng hợp	
7	Lý Ngọc Hạnh	CNDD	Điều dưỡng	0003868/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	15			Nội tổng hợp	
8	Phạm Thị Kiều Phương	CNDD	Điều dưỡng	000098/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Thần kinh	
9	Nguyễn Thị Nguyệt	CNDD	Điều dưỡng		Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	26			Ngoại tổng hợp	
10	Trần Hồng Liên	CNDD	Điều dưỡng	000602/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			* Ung bướu	
11	Nguyễn Lê Sinh Nghĩa	CNDD	Điều dưỡng	004836/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	18			Mắt	
12	Lê Tuyết Hạnh	CNDD	Điều dưỡng	002274/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-	19			Tai mũi họng	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					BNV ngày 22/4/2005					
13	Trần Thị Vĩnh Nguyễn	CNDD	Điều dưỡng		Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	19			Răng hàm mặt	
14	Trần Thị Thùng	CNDD	Điều dưỡng	000262/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Truyền nhiễm	
15	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	Điều dưỡng	003904/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Khoa khám bệnh	
16	Trần Quan	CNDD	Điều dưỡng	004821/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	22			Tâm thần	
17	Đoàn Thạch Anh Thư	CNKT - PHCN	Vật lý trị liệu	003809/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	17			VLTL- PHCN	
18	Trần Thị Sen	CNDD	Điều dưỡng	003767/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	19			VLTL- PHCN	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Cao đẳng, trung cấp / Điều dưỡng)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Hà Thị Thanh Hà	ĐD.CKI	Điều dưỡng trưởng BV	000606/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	30	- Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	- Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cấp cứu, chăm sóc tích cực, nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	Phòng ĐD	
2	Lê Văn Lộc	ĐD.CKI	Điều dưỡng trưởng khoa	000199/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	34	- Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	- Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc.	HSTC-CD	
3	Nguyễn Trần Phương Dung	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	000992/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	20	- Chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	- Thực hiện các kỹ thuật VLTL cơ bản	Ngoại TK	
4	Trương Ngọc Cảnh	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	004642/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	34	- Hướng dẫn tập VLTL cơ bản		Cấp cứu	
5	Trịnh Thị Kim Huyền	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	004871/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	19			TM - LK	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
6	Võ Thị Hồng Kim Tuyền	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	000272/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	15	bản		Nội tổng hợp	
7	Lý Ngọc Hạnh	CNDD	Điều dưỡng	0003868/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	15			Nội tổng hợp	
8	Phạm Thị Kiều Phương	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	000098/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Thần kinh	
9	Nguyễn Thị Nguyệt	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	004874/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	26			Ngoại tổng hợp	
10	Trần Hồng Liên	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	000602/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Ung bướu	
11	Nguyễn Lê Sinh Nghĩa	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	004836/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	18			Mắt	
12	Lê Tuyết Hạnh	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	002274/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-BNV ngày 22/4/2005	19			Tai mũi họng	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
13	Trần Thị Vĩnh Nguyễn	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	000121/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	19			Răng hàm mặt	
14	Trần Thị Thùng	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	000262/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Truyền nhiễm	
15	Nguyễn Thị Mơ	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	003904/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	23			Khoa khám bệnh	
16	Trần Quan	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	004821/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	22			Tâm thần	
17	Đoàn Thạch Anh Thư	CNKT - PHCN	Vật lý trị liệu	003809/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	17			VLTL-PHCN	
18	Trần Thị Sen	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	003767/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	19			VLTL-PHCN	
19	Nguyễn Hồng Duyên	CNDD	Điều dưỡng	004818/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày	8			Ngoại TK	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					22/4/2005					
20	Lý Quốc Hải	CNDD	Điều dưỡng	004803/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	12			Ngoại TK	
21	Nguyễn Thị Kim Khoa	CNDD	Điều dưỡng trường khoa	003954/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	17			Lão học	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học / KTV xét nghiệm)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thạch Ngọc Tiên	BS,CKI	Xét nghiệm	000163/T V - CCHN	Xét nghiệm	21	- Thực hành lâm sàng huyết học và truyền máu. - Thực hành hóa sinh lâm sàng. - Thực hành vi sinh lâm sàng.	- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực huyết học và truyền máu.	Xét nghiệm	
2	Võ Việt Kiều	CNXN	Xét nghiệm	00159/TV -CCHN	Xét nghiệm	20		- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực hóa sinh.	Xét nghiệm	
3	Nguyễn Mộng Duyên	CN,CKI	Xét nghiệm	000958/T V-CCHN	Xét nghiệm	21		- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực vi sinh.	Xét nghiệm	
4	Kim Thị Thủy Chung	Bs,CKI	Xét nghiệm	003698/T V-CCHN	Xét nghiệm	5			Xét nghiệm	
5	Trương Thị Thủy Duy	CNXN	Xét nghiệm	003119/T V-CCHN	Xét nghiệm	5			Xét nghiệm	
6	Nguyễn Thị Kiều Giang	CNXN	Xét nghiệm	000155/T V-CCHN	Xét nghiệm	25			Xét nghiệm	
7	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	CNXN	Xét nghiệm	000156/T V-CCHN	Xét nghiệm	25			Xét nghiệm	
8	Nguyễn Thị Thêu	CNXN	Xét nghiệm	000154/T V-CCHN	Xét nghiệm	17			Xét nghiệm	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
9	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	003381/T V-CCHN	Chuyên khoa giải phẫu bệnh	30	Thực hành lâm sàng giải phẫu bệnh và tế bào học	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực giải phẫu bệnh và tế bào học	Giải phẫu bệnh	
10	Trần Nguyễn Hoài Phong	Bác sĩ đa khoa	Giải phẫu bệnh	004500/T V-CCHN	-Chuyên khoa giải phẫu bệnh	5			Giải phẫu bệnh	
11	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/T V-CCHN	Giải phẫu bệnh	4			Giải phẫu bệnh	
12	Phạm Trí Tuyển	CNDD	Kỹ thuật giải phẫu bệnh	004894/T V-CCHN	Điều dưỡng trường khoa	18			Giải phẫu bệnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học / KTV CDHA)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại	Ngoại TH	
2	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại Cơ xương khớp	CTCH	
3	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại Cơ xương khớp	CTCH	
4	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại TK	Ngoại TK	
5	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27		Tiếp cận, chẩn đoán và xử trí bệnh lý nội khoa, hồi sức cấp cứu	Cấp cứu	
6	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC & CD	
7	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20		Giải phẫu và hình ảnh bệnh lý của các cơ quan	CDHA	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
8	Sơn Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15			CDHA	
9	Hà Thị Thanh Hà	ĐD.CKI	Điều dưỡng trường BV	000606/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	30		- Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cấp cứu, chăm sóc tích cực, nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm	Phòng Điều dưỡng	
10	Lê Văn Lộc	ĐD.CKI	Điều dưỡng trường khoa	000199/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	34		- Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc.	Phòng Điều dưỡng	
11	Trần Thanh Sơn	CN.KTHA	Chẩn đoán hình ảnh	005371/T V- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	24	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Thực hiện các kỹ thuật VLTL cơ bản	Chẩn đoán hình ảnh	
12	Võ Trường Thọ	CN.KTHA	Chẩn đoán hình ảnh	005411/T V- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15	Kỹ thuật hình ảnh Y học		Chẩn đoán hình ảnh	
13	Nguyễn Tấn sang	CN.KTHA	Chẩn đoán hình ảnh	005277/T V- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	01	Kỹ thuật hình ảnh Y học		Chẩn đoán hình ảnh	
14	Nguyễn Thị Kim Thoa	CN.KTHA	Chẩn đoán hình ảnh	005472/T V- CCHN	Chẩn đoán hình	01	Kỹ thuật hình ảnh Y học		Chẩn đoán hình ảnh	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					ảnh					
15	Đỗ Trần Công Triệu	CNCĐ.KT HA	Chẩn đoán hình ảnh	005208/T V- CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	01	Kỹ thuật hình ảnh Y học		Chẩn đoán hình ảnh	
16	Thạch Kiên Minh Trí	CN.KTHA	Chẩn đoán hình ảnh	Chưa có CC	Chẩn đoán hình ảnh	01	Kỹ thuật hình ảnh Y học		Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Đại học / KTV PHCN & VLTL)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần / Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33	-	- Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại	Ngoại TH	
2	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25	-	- Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại Cơ xương khớp	CTCH	
3	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại Cơ xương khớp	CTCH	
4	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23		Chẩn đoán và giải phẫu học Ngoại TK	Ngoại TK	
5	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27		Tiếp cận, chẩn đoán và xử trí bệnh lý nội khoa, hồi sức cấp cứu	Cấp cứu	
6	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC & CD	
7	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	6		Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh-cơ, tim mạch-hô	VLTL & PHCN	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
8	Lý Thị Bích Phượng	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003681/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	7		hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp- tim mạch lão khoa chuyên biệt		
9	Hà Thị Thanh Hà	ĐD.CKI	Điều dưỡng trưởng BV	000606/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	30		- Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cấp cứu, chăm sóc tích cực, nội khoa, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm - Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc. Thực hiện các kỹ thuật VLTL cơ bản	Phòng Điều dưỡng	
10	Lê Văn Lộc	ĐD.CKI	Điều dưỡng trưởng khoa	000199/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	34			Phòng Điều dưỡng	
11	Trần Thị Sen	CNDD	Điều dưỡng trưởng khoa	003767/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005-	19				

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					BNV ngày 22/4/2005					
12	Đoàn Thạch Anh Thư	CNKT - PHCN	Vật lý trị liệu	003809/T V-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	17				

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Cao đẳng, trung cấp / KTV xét nghiệm)

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
13	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/TV- CCHN	Xét nghiệm	21	- Thực hiện các kỹ thuật huyết học và truyền máu. - Thực hiện các kỹ thuật hóa sinh. - Thực hiện các kỹ thuật vi sinh.	- Thực hiện lấy máu, kỹ thuật xét nghiệm	Xét nghiệm	
14	Võ Việt Kiều	CNXN	Xét nghiệm	00159/TV- CCHN	Xét nghiệm	20			Xét nghiệm	
15	Nguyễn Mộng Duyên	CN.CKI	Xét nghiệm	000958/TV- CCHN	Xét nghiệm	21			Xét nghiệm	
16	Kim Thị Thủy Chung	Bs.CKI	Xét nghiệm	003698/TV- CCHN	Xét nghiệm	5			Xét nghiệm	
17	Trương Thị Thủy Duy	CNXN	Xét nghiệm	003119/TV- CCHN	Xét nghiệm	5			Xét nghiệm	
18	Nguyễn Thị Kiều Giang	CNXN	Xét nghiệm	000155/TV- CCHN	Xét nghiệm	25			Xét nghiệm	
19	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	CNXN	Xét nghiệm	000156/TV- CCHN	Xét nghiệm	25			Xét nghiệm	
20	Nguyễn Thị Thêu	CNXN	Xét nghiệm	000154/TV- CCHN	Xét nghiệm	17			Xét nghiệm	
21	Đương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	003381/TV- CCHN	-Chuyên khoa giải	30	Thực hành lâm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Giải phẫu bệnh	

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
					phẫu bệnh		sàng giải phẫu bệnh và tế bào học	thuộc lĩnh vực giải phẫu bệnh và tế bào học		
22	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/TV- CCHN	-Chuyên khoa giải phẫu bệnh	4			Giải phẫu bệnh	
23	Trần Nguyễn Hoài Phong	Bác sĩ đa khoa	Giải phẫu bệnh	004500/TV- CCHN	-Chuyên khoa giải phẫu bệnh	5			Giải phẫu bệnh	
24	Phạm Tri Tuyền	CNDD	Kỹ thuật giải phẫu bệnh	004894/TV- CCHN	Điều dưỡng trưởng khoa	18			Giải phẫu bệnh	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(KTV Nắn chỉnh và bó bột)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần tin chí	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thanh Vũ	CNDD- KTV bột	CNDD- KTV bột	000644/ TV- CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	13	- Giải phẫu hệ cơ xương khớp. - Các kỹ thuật nắn chỉnh và bó bột	Thực hiện các kỹ thuật bó bột	CTCH	90
2	Nguyễn Chí Linh	CĐDD- KTV bột	CNDD- KTV bột	005232/ TV- CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005- BNV ngày 22/4/2005	25			CTCH	90

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA / ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG / GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

(Trung cấp Y đa khoa)

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
	La Quốc Trung	BS.CKII	Nội tiết	000242/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27	Cấp cứu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, hồi sức cấp cứu, thần kinh, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, gan mật, thận – tiết niệu, thận nhân tạo.	Cấp cứu	20
2	Thạch Ngọc Chiến	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	000284/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			Cấp cứu	20
3	Nguyễn Văn Sự	BS.CKI	Hồi sức cấp cứu	002355/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	13			Cấp cứu	20
4	Lâm Thành Vững	BS.CKII	Nội khoa	000517/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
5	Nguyễn Văn Luyệt	BS.CKI	Nội khoa	000516/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	27			HSTC-CD	30
6	Trần Trường Giang	BS.CKII	Nội khoa	000514/T V - CCHN	Hồi sức cấp cứu	16			HSTC-CD	30
7	Diệp Văn Bền	BS.CKI	Nội khoa	003223/T V-CCHN	Hồi sức cấp cứu	8			HSTC-CD	30

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
8	Trần Hồng Ân	BS.CKII	Nội khoa	000062/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	30	Nội tim mạch & Lão học	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Nội Tim mạch -lão học	Nội TM	100
9	Võ Thành Trung	BS.CKI	Nội khoa	000286/T V - CCHN	Nội Tim Mạch	19			Nội TM	100
10	Võ Thị Quế Chi	BS.CKII	Nội khoa	001007/T V - CCHN	Lão Học	24			Lão học	70
11	Diệp Duyên Anh	BS.CKII	Nội khoa	000225/T V - CCHN	Nội tổng hợp	27	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp, Da liều...	Nội TH	65
12	Phan Quý Đức	BS.CKII	Nội khoa	000034/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội TH	65
13	Lê Hoàng Kim	BS.CKII	Nội khoa	000247/T V - CCHN	Nội tổng hợp	30		Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý tiêu hóa, gan mật, cơ xương khớp ...	Khám bệnh	Không có giường bệnh / 6 ghế răng khám chữa bệnh ngoại trú
14	Dương Thị Thu Hồng	BS.CKI	Nội khoa	000164/T V - CCHN	Nội tổng hợp	31			Khám bệnh	
15	Nguyễn Ngọc Vân Thanh	BS.CKI	Da liễu	002526/T V - CCHN	Nội khoa & CK Da liều	12			Khám bệnh	
16	Nguyễn Thị Bích Thùy	BS.CKI	Nội khoa	004055/T V - CCHN	Nội khoa	6			Nội TH	65
17	Nguyễn Minh Hoàng	BS.CKII	Nội khoa	000246/T V - CCHN	Nội tổng hợp	23			Nội A	12

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
18	Kim Thị Ngọc Mình	BS.CKI	Nội khoa, Nội huyết học	002720/T V-CCHN	Nội khoa	18	Huyết học LS	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý về máu	Nội TH	65
19	Thạch Sa Minh	BS.CKII	Nội khoa	000448/T V - CCHN	Nội thận - Lọc máu	18	Nội thận - Lọc máu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, thận nhân tạo, thẩm phân phức mại	Nội thận - Lọc máu	40
20	Bùi Ngọc Linh	BS.CKI	Nội khoa	000513/T V - CCHN	Nội thận - Lọc máu	17				40
21	Biện Thị Trúc Hà	BS.CKII	Nội khoa	000515/T V - CCHN	Thần kinh	24	Nội TK	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, bệnh lý thần kinh	Nội Thần kinh	30
22	Võ Văn Thanh	BS.CKI	Nội khoa	000746/T V - CCHN	Thần kinh	9				30
23	Phan Văn Chúc	BS.CKI	Nội khoa	000659/T V - CCHN	Bệnh truyền nhiễm	28	Khoa Nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, truyền nhiễm	Truyền nhiễm	65
24	Huỳnh Văn Long	BS.CKII	Nội khoa	001281/T V - CCHN	Tâm thần	37	Tâm thần	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa, tâm thần	Tâm thần	12
25	Huỳnh Phát Đạt	BS.CKI	Ngoại khoa	000964/T V - CCHN	Ngoại niệu	35	Ngoại niệu	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại niệu	Ngoại tổng hợp	130

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
26	Trần Kiến Vũ	TS.BS	Ngoại khoa	002759/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	33	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa, chấn thương chỉnh hình, ngoại thần kinh	Ngoại TH	130
27	Trà Quốc Tuấn	BS.CKII	Ngoại khoa	000634/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	34			Ngoại tổng hợp	130
28	Lê Thị Đức Minh	BS.CKII	Ngoại khoa	000210/T V - CCHN	Ngoại tổng quát	15			Ngoại tổng hợp	130
29	Tạ Thanh Bình	BS.CKI	Ngoại khoa	000611/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	24	Ung bướu	Chẩn đoán và điều trị các bệnh ung thư	Ung bướu	90
30	Kim Sóc Khone	BS.CKII	Ngoại khoa	000609/T V - CCHN	Ngoại Ung bướu	23			Ung bướu	90
31	Huỳnh Hữu Nhân	BS.CKII	Ngoại khoa	000654/T V - CCHN	CTCH	25	Ngoại CTCH	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại CTCH	Ngoại CTCH	90
32	Dương Thanh Bình	BS.CKII	Ngoại khoa	000458/T V - CCHN	CTCH	24			Ngoại CTCH	90
33	Tăng Chi Khôi	BS.CKI	Ngoại khoa	000231/T V - CCHN	CTCH	17			Ngoại CTCH	90
34	Thạch Hoàng Nhã	Bs CKI	Ngoại khoa	003259/T V-CCHN	CTCH	9			Ngoại CTCH	90
35	Dương Huy Khuong	Bs CKI	Ngoại khoa	001648/T V-CCHN	CTCH	13			Ngoại CTCH	90

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
36	Đỗ Công Thương	BS.CKII	Ngoại khoa	000658/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	23	Ngoại thần kinh & sọ não	Chẩn đoán và điều trị các bệnh Ngoại TK	Ngoại thần kinh	50
37	Kim Ngọc Trăng	BS.CKI	Ngoại khoa	000209/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	17			Ngoại thần kinh	50
38	Lê Hoàng Nhã	Ths.BS	Ngoại khoa	000961/T V - CCHN	Thần kinh & sọ não	14			Ngoại thần kinh	50
39	Sơn Thị Đa	BS.CKII	Mắt	001285/T V - CCHN	Mắt	19	Mắt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Mắt	Mắt	16
40	Kim Ngọc Thủy An	BS.CKII	Mắt	000106/T V - CCHN	Mắt	18			Mắt	16
41	Phan Thị Thanh Trúc	BS.CKI	Mắt	000108/T V - CCHN	Mắt	16			Mắt	16
42	Trịnh Thanh Ly	BS.CKII	Tai mũi họng	000236/T V - CCHN	Tai mũi họng	30	Tai mũi họng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về Tai Mũi Họng	Tai mũi họng	8
43	Ngô Chí Vững	BS.CKII	Tai mũi họng	000133/T V - CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8
44	Lương Minh Thiện	BS.CKII	Tai mũi họng	004644/T V-CCHN	Tai mũi họng	13			Tai mũi họng	8
45	Lê Duy Anh	BS.CKI	Tai mũi họng	000132/T V-CCHN	Tai mũi họng	14			Tai mũi họng	8

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
46	Trần Huỳnh Phương Thảo	BS.CKI	Tai mũi họng	0004820/ VL- CCHN	Tai mũi họng	02			Tai mũi họng	8
47	Nguyễn Thị Nhựt Nguyệt	BS.CKI	Tai mũi họng	0030843/ HCM- CCHN	Tai mũi họng	9			Tai mũi họng	8
48	Phạm Thanh Bình	BS.CKII	Răng hàm mặt	000115/T V - CCHN	Răng hàm mặt	21	Răng hàm mặt	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về RHM	Răng hàm mặt	12
49	Huỳnh Văn Tiêm	BS.CKII	Răng hàm mặt	000114/T V - CCHN	Răng hàm mặt	20			Răng hàm mặt	12
50	Thạch Thị Thu Hà	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000310/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	26	Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	12
51	Thạch Sêrây Mareth	BS.CKI	Gây mê hồi sức	000309/T V - CCHN	Gây mê hồi sức	19			Gây mê hồi sức	12
52	Trương Thị Hợp	BS.CKI	Y học cổ truyền	000055/T V - CCHN	Y học cổ truyền	24	Y học cổ truyền	Chẩn đoán và điều trị các bệnh về YHCT	Y học cổ truyền	12
53	Dương Văn Hùng	BS.CKII	Giải phẫu bệnh	000065/T V - CCHN	Giải phẫu bệnh	30	Giải phẫu bệnh	Thực hiện và chẩn đoán mô học	Giải phẫu bệnh	
54	Kiên Hà Giang	BS.CKI	Giải phẫu bệnh	003436/T V-CCHN	Giải phẫu bệnh	4			Giải phẫu bệnh	

ST T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học / học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ phòng đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
55	Thạch Ngọc Tiên	BS.CKI	Xét nghiệm	000163/T V - CCHN	Xét nghiệm	20	Xét nghiệm	Xét nghiệm về huyết học, vi sinh, sinh hóa, miễn dịch ...	Xét nghiệm	
56	Thạch Ngọc Thúy An	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003739/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	6	Vật lý trị liệu	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu cơ xương, thần kinh- cơ, tim mạch-hô hấp; phục hồi chức năng khớp học chuyên biệt, thần kinh chuyên biệt, bệnh lý hô hấp- tim mạch lão khoa chuyên biệt\	Vật lý trị liệu	
57	Lý Thị Bích Phượng	BS.CKI	Vật lý trị liệu	003681/T V-CCHN	Vật lý trị liệu	7				
58	Thạch Trung Nhân	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000181/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	20	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện và kết luận về X-quang siêu âm, nội soi, DSA, CT scan, MRI	Chẩn đoán hình ảnh	
59	Sơn Huyền Diệu	BS.CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000180/T V - CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	15			Chẩn đoán hình ảnh	

Phụ lục 3

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRONĐÀO TẠO THỰC HÀNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TRÀ VINH

(kèm văn bản công bố 05/ CB-BVĐK ngày 02/12/2024 của BVĐK tỉnh Trà Vinh)

ST T	Tên thiết bị	Công ty sản xuất	Nước SX	Năm SX	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào sử dụng (%)	Số lượng	Ghi chú
CẤP CỨU NHẬN BỆNH								
1	Bộ đặt nội khí quản	Riester	Đức		2013	Mới	1	
2	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
3	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
4	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihon Kodan	Nhật	2017	2018	Mới	1	
5	Máy sốc tim tạo nhịp lưỡng pha (BVSK) gồm: (Máy chính, dây tạo nhịp)	Cardioline	Spain		2016	Mới	1	
6	Máy giúp thở (BVSK) gồm: (Máy chính, máy nén khí số: A0968-08- 2015, 2 bình oxy có xe dây inox)	Progetti Medical	Italy		2016	Mới	1	
7	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
8	Máy đo áp lực bóng chèn nội khí quản	ICST	Nhật	2017	2019	Mới	1	
9	Máy bơm rửa dạ dày	HSSG	Đài Loan	2019	2019	Mới	1	
10	Máy đo nồng độ oxy để bàn (BVQDY)	Infinium	Mỹ		2013	Mới	1	
11	Máy điện tim 3 cần	Nihon Kohden	Trung Quốc	2020	2021	Mới	1	
12	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (SYT)	Covidien	Ireland	2020	2021	Mới	1	
13	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
14	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
15	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
16	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
17	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
18	Máy điện tim 3 cần	Nihon Koden/Nhật	Trung Quốc	2021	2022	Mới	1	

19	Máy điện tim 3 cần	Nihon Kodan	Trung Quốc	2021	2022	Mới	1	
20	Máy siêu âm Doppler màu tổng quát 3 đầu dò (G03)	GE Ultrasound	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	1	
21	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
22	Bộ đặt nội khí quản có video (G62)	Infinium	Ý	2021	2023	Mới	1	
23	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	5	
24	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
25	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
26	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siarc Engineering	Ý	2020	2023	Mới	1	
27	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	3	
28	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	3	
29	Bàn mổ GMHS Chuyên		Taiwan			Mới	1	
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH								
30	Hệ thống XQ chụp nhũ ảnh: Melody III (Italy) SYT	Villa	Italy	2013	2014	Mới	1	
31	Hệ thống XQ số hóa kèm máy in phim CMP 200DR-Dell Works (Mỹ) SYT	Dell -Medical	Mỹ	2013	2014	Mới	1	
32	Máy in phim khô Laser DrypixSmart 2 khay- Fujifilm 470255505 (Hàng Tặng)	Fujifilm	Nhật	2014	2015	Mới	1	
33	Bộ nội soi dạ dày - ống mềm video-monitor: Fujinon - Nhật (BVQDY)	Fujinon	Nhật	2012	2015	Mới	1	
34	Hệ thống xử lý ảnh X quang số hoá	Fujifilm	Nhật	2016	2016	Mới	1	
35	Hệ thống hỗ trợ vệ sinh ống soi mềm :NSX: VN.Model: Endoplus	Minh Long	VN	2017	2017	Mới	1	
36	Hệ thống hỗ trợ vệ sinh ống soi mềm :NSX: VN.Model: Endoplus	Minh Long	VN	2017	2017	Mới	1	
37	Máy hút dịch :NSX: DL: Model :DF-	Docter Friend	Đài Loan	2017	2017	Mới	1	

	5062:NSX:2017	Suction						
38	Máy in phim khô laser Drypix Plus	Fujifilm	Trung Quốc	2018	2018	Mới	1	
39	Hệ thống nội soi dạ dày-dại tràng Pentax Video (BVSK)	Pentax	Nhật	2013	2016	Mới	1	
40	Máy chụp X Quang di động kỹ thuật số	Bmi Biomedical	Ý	2019	2019	Mới	1	
41	Hệ thống chụp mạch máu số hóa xóa nền treo trần, 1 bình diện (SYT)	Siemens	Đức	2018	2019	Mới	1	
42	Máy siêu âm xách tay (Máy siêu âm màu tại giường)	Hitachi	Nhật	2019	2019	Mới	1	
43	Máy siêu âm xách tay (Máy siêu âm trắng đen tại giường)	Hitachi	Nhật	8/2019	2019	Mới	1	
44	Máy siêu âm (GDYK) gồm: - Đầu dò: hiệu-Honda-Nhật-model:HCS 436M-số 40813199 - Máy in: hiệu-Mitsubishi 93W-Malaysia-số 6017943-sx: 2014 - Cục tích điện: hiệu Santak	Honda	Nhật	2014	2016	Mới	1	
45	Máy hút âm công nghệ	Fujie	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
46	Máy hút âm công nghệ	Fujie	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
47	Máy siêu âm ≥ 3 đầu dò có tính năng, phần mềm đo chức năng tim	Siemens	Hàn Quốc	2020	2020	Mới	1	
48	Máy in phim khô Laser	Fujifilm	Trung Quốc	2020	2020	Mới	1	
49	Hệ thống nội soi ống mềm (1 dây soi) (BVSN)	Fujifilm	Nhật Bản	2017	2019	Mới	1	
50	Máy X Quang di động kỹ thuật số	Villa Sistemi	Ý	2020	2021	Mới	1	
51	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 T (SYT)	Siemens	Đức	2021	2022	Mới	1	
52	Máy siêu âm Doppler màu 2 đầu dò, có phần mềm đo độ đàn hồi mô + bộ giả hỗ trợ (G03)	GE Ultrasound	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	1	
53	Máy siêu âm Doppler màu tổng quát 3 đầu dò (G03)	GE Ultrasound	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	1	

54	Máy siêu âm Doppler màu xách tay (G03)	GE Medical	Trung Quốc	2022	2023	Mới	1	
55	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
56	Máy XQ chụp thường quy 500 MA (DA)	Philip	Đức	2009	2009	Mới	1	
KHOA CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH								
57	Bàn mổ đa năng		TQ		1998	Mới	1	
58	Máy điện tim 3 cần ECG	Nihon kohden	Nhật	2014	2014	Mới	1	
59	Máy đốt điện	Alsa	Ý	2020	2020	Mới	1	
60	Cửa cắt bột dùng điện	Hebu-Đức	EU	2019	2020	Mới	1	
61	Máy đo nồng độ oxy để bàn (BVQDY)	Infinium	Mỹ		2013	Mới	1	
62	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
63	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
64	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
65	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	2	
66	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	3	
67	Máy hút liên tục áp lực thấp chạy điện (G62)	Shin-Ei	Nhật Bản	2020	2023	Mới	1	
68	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (G62)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2023	Mới	1	
69	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
70	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
71	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	2	
72	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	1	
73	Cửa cắt bột chạy điện (G66)	DeSoutter	Anh	2022	2023	Mới	2	
74	Máy phun dung dịch khử trùng công	P.E	Việt Nam	2022	2023	Mới	1	

	nghe phun sương/plasma (G66)							
75	Bàn mô					Mới	1	
76	Máy bơm tiêm điện (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
KHOA DINH DƯỠNG								
77	Tủ sấy 250 độ C 120 lít/phút (BVSK)		Hàn Quốc		2016	Mới	1	
78	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	2020	Mới	1	
79	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	2020	Mới	1	
80	Tủ sấy, 250 độ C, ≥ 150 lít (Tủ sấy, 300 độ C, 161 lít) (G68)	Memmert	Đức	2021	2023	Mới	11	
GÂY MỀ HỒI SỨC								
81	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng				1997	Mới	1	
82	Bộ dụng cụ tổng quát				1996	Mới	1	
83	Bộ dụng cụ bụng				1996	Mới	1	
84	Bộ dụng cụ chỉnh hình				1996	Mới	1	
85	Bộ dụng cụ mạch máu				1996	Mới	1	
86	Bộ dụng cụ tiết niệu				1996	Mới	1	
87	Bộ dụng cụ túi mật				1996	Mới	1	
88	Bộ dụng cụ tai mũi họng				1996	Mới	1	
89	Bộ dụng cụ răng hàm mặt				1996	Mới	1	
90	Bộ phẫu thuật sọ não				2000	Mới	1	
91	Bộ phẫu thuật nội soi ổ bụng				2000	Mới	1	
92	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
93	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
94	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
95	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
96	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
97	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
98	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
99	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
100	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
101	Bộ dụng cụ phẫu thuật cơ bản				2001	Mới	1	
102	Bộ soi treo thanh quản (đức)		Đức		2002	Mới	1	
103	Bộ soi treo thực quản (đức)		Đức		2002	Mới	1	

104	Bộ nắn kéo cột sống chỉnh hình				2002	Mới	1	
105	DC nội soi thăm khám bàng quang và gấp sỏi bàng quang				2003	Mới	1	
106	Dụng cụ phẫu thuật nội soi				2003	Mới	1	
107	Dụng cụ phẫu thuật sọ não				2004	Mới	1	
108	Kính cho người phụ mổ				2004	Mới	1	
109	Dụng cụ giữ và hướng sonde lên niệu đạo	Karl Storz	Đức		2007	Mới	1	
110	Ống soi quang học Hopkins	Karl Storz	Đức		2007	Mới	1	
111	Monitor (BSM-4101K)	Nihonkohden	Nhật	2007	2007	Mới	1	
112	Kiểm cộng lực				2009	Mới	1	
113	Kiểm cộng lực				2009	Mới	1	
114	Máy khoan sọ não	Stryker	Mỹ		2010	Mới	1	
115	Dụng cụ phẫu thuật cột sống	Mattes	Đức		2010	Mới	1	
116	Dụng cụ phẫu thuật CTCH	Mattes	Đức		2010	Mới	1	
117	Dụng cụ phẫu thuật sọ não	Mattes	Đức		2010	Mới	1	
118	Máy đốt điện 350 MSDSE	Excell	Italy		2011	Mới	1	
119	Máy đốt điện 350 MSDSE		Italy		2011	Mới	1	
120	Kính hiển vi phẫu thuật mắt và bộ Camera truyền hình (Đức) SYT	Carlzeiss Meditec	Đức	2013	2014	Mới	1	
121	Bộ dụng cụ phẫu thuật Ngoại chấn thương, Tổng quát, Sọ não, Lồng ngực, Sản phụ khoa- KHHGD (SYT)				2014	Mới	1	
122	Máy mổ mắt Phaco: Faros (Thụy sỹ) SYT		Thụy Sỹ		2014	Mới	1	
123	Hệ thống mổ nội soi -Richard (Đức) (BVQDY)	Richard Worf	Đức		2015	Mới	1	
124	Bàn mổ mắt	Plantech	Ấn Độ		2015	Mới	1	
125	Tay cắt nội soi chủ động	Karl Storz	Đức		2016	Mới	1	
126	Máy hút dịch CA-MI (Ý) (BVQDY)		Ý		2016	Mới	1	
127	Mũi khoan sọ não tự dừng	Stryker	Mỹ		2016	Mới	1	
128	Máy tán sỏi ngược dòng holmium laser : Model :Acu-H2C (40W)	Accutech	TQ	2017	2017	Mới	1	

129	Máy phẫu thuật nội soi TMH :gồm (máy khoan xương chũm & máy nạo mô mềm dùng trong phẫu thuật mũi xoang ,tai xương chũm v&nạo VA)	Mercian Surgical	Anh Quốc	2017	2017	Mới	1	
130	Tay khoan xương diện 02 cò phụ kiện kèm theo: Khớp gắn mũi khoan 3 châu	Stryker	Mỹ		2018	Mới	1	
131	Tay cắt nội soi	Karl Storz	Đức		2018	Mới	1	
132	Sợi truyền quang	Ceram Tec	Đức		2018	Mới	1	
133	Kẹp gấp mảnh sỏi nhỏ loại cứng	Karl Storz	Đức		2018	Mới	1	
134	Máy gây mê kèm thở (TTYT Càng Long)	Drager	Đức	2012	2012	Mới	1	
135	Máy làm ẩm dịch truyền (BVSK)gồm: (Máy chính, dây nguồn)		Nhật		2016	Mới	1	
136	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 TS	Nihon kohden	Nhật	2018	2019	Mới	1	
137	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống lưng (bao gồm 51 chi tiết)(SYT)	Symmetry	Đức		2019	Mới	1	
138	Bộ banh vền não(SYT)	Sarfraz	Pakistan		2019	Mới	1	
139	Bộ khung gá sọ não(SYT)	Sarfraz	Pakistan		2019	Mới	1	
140	Kính vi phẫu(SYT)	Leica	Singapore	2018	2019	Mới	1	
141	Máy khoan mài sọ não(SYT)	Medtronic	Mỹ		2019	Mới	1	
142	Hệ thống khoan xương dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Conmed	Mỹ/Mexico	2019	2019	Mới	1	
143	Máy điện tim 3 cần	Nihon Kohden	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
144	Máy garo hơi tự động	DS Maref	Hàn Quốc	2018	2020	Mới	1	
145	Máy phun dịch khử khuẩn	Diop GmbH	Đức	2020	2020	Mới	1	
146	Bàn mổ chuyên khoa mắt (TTYT Trà Cú)		Trung Quốc		2016	Mới	1	
147	Kính hiển vi phẫu thuật mắt có camera	Haag Streit	Đức	2021	2021	Mới	1	
148	Máy phẫu thuật Phaco bán phần trước	Oertli Instrumente	Thụy sĩ	2021	2021	Mới	1	
149	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	

150	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
151	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
152	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
153	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (SYT)	Covidien	Ireland	2020	2021	Mới	1	
154	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
155	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
156	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
157	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
158	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
159	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
160	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
161	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
162	Hệ thống định vị trong phẫu thuật cột sống, sọ não và hệ thống khung cổ định trong phẫu thuật sọ não (SYT)	Medtronic	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
163	Máy mổ chức năng hàn mạch Ligasure dùng trong môi trường nước (SYT)	KLS Martin	Đức	2020	2021	Mới	1	
164	Hệ thống phẫu thuật nội soi ống cứng và ống mềm thanh khí phế quản (dùng cho người lớn và trẻ em) (SYT)	Richard Worf	Đức	2020	2021	Mới	1	
165	Bộ khoan cửa xương dùng pin đa năng (SYT)	Conmed Corpo	Mỹ		2021	Mới	1	
166	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty Hadimed tặng)	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	
167	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty Hadimed tặng)	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	
168	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty Hadimed tặng)	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	
169	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	

	Hadimed tặng)							
170	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty Hadimed tặng)	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	
171	Monitor theo dõi bệnh nhân (Cty Hadimed tặng)	IGEL	Ba Lan	2021	2022	Mới	1	
172	Máy siêu âm gây tê đảm rối thần kinh (G03)	Samsung	Hàn Quốc	2022	2023	Mới	1	
173	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
174	Hệ thống phẫu thuật nội soi tán sỏi ngoài da (G04)	Trimedynce	Mỹ	2022	2023	Mới	1	
175	Bộ đặt nội khí quản có video (G62)	Infinium	Ý	2021	2023	Mới	2	
176	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	5	
177	Máy làm ấm dịch truyền (G62)	Hasaky	Việt Nam	2021	2023	Mới	2	
178	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
179	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
180	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	7	
181	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	10	
182	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siare	Ý	2020	2023	Mới	2	
183	Bơm tiêm kiểm soát đau PCA (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	15	
184	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình điện, thủy lực (G66)	ALVO	Ba Lan	2022	2023	Mới	1	
185	Bàn mổ đa năng điện thủy lực (G66)	ALVO	Ba Lan	2022	2023	Mới	14	
186	Khoan xương cầm tay chạy điện (G66)	Rimec S.r.l	Italia	2022	2023	Mới	2	
187	Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi độ khí mê (G66)	Drägerwerk AG	Đức	2022	2023	Mới	12	
188	Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi độ mê sâu (G66)	Drägerwerk AG	Đức	2022	2023	Mới	2	

189	Máy khoan cắt xương đa năng (G66)	Bbraun -Aesculap	Đức		2023	Mới	2	
190	Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD kèm bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng, tiết niệu (G66)	Olympus	Nhật	2021	2023	Mới	2	
191	Dao mổ cao tần $\geq 300W$ (G66)	Medtronic	Mỹ	2021	2023	Mới	15	
192	Dao mổ siêu âm có chức năng hàn mạch (G66)	Jabil, Inc., Mỹ	Mỹ	2021	2023	Mới	1	
193	Đèn mổ di động LED ≥ 80.000 Lux (G66)	Drägerwerk AG	Đức	2022	2023	Mới	1	
194	Đèn mổ treo trần 2 chóa LED ≥ 160.000 Lux + 160.000 Lux (G66)	Drägerwerk AG	Đức	2022	2023	Mới	13	
195	Đèn mổ treo trần 2 chóa LED ≥ 160.000 Lux + 160.000 Lux, có camera (G66)	Drägerwerk AG	Đức	2022	2023	Mới	2	
196	Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp (G66)	Richard Wold	Đức	2021	2023	Mới	1	
197	Dao mổ điện có chức năng hàn mạch (G66)	Medtronic	Mỹ	2021	2023	Mới	1	
198	Hệ thống tán sỏi ngược dòng niệu quản công nghệ laser + nội soi ống cứng (G66)	Olympus	Đức, Nhật	2022	2023	Mới	1	
199	Máy bảo da - cán da (G66)	Desoutter	Anh/Israel	2022	2023	Mới	1	
200	Máy phun dịch khử trùng công nghệ phun sương/plasma (G66)	P.E	Việt Nam	2022	2023	Mới	2	
201	Máy gây mê giúp thở Soft Lander		Nhật			Mới	2	
202	Bàn mổ					Mới	1	
203	Máy hút điện (DA)	Power Carry	Nhật		2009	Mới	1	
204	Máy bơm tiêm điện (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
205	Máy bơm tiêm điện (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
206	Monitor theo dõi bệnh nhân (DA)	Nihonkohden	Nhật	2008	2009	Mới	2	
207	Máy phá rung tim (DA)	Nihonkohden	Nhật	2008	2009	Mới	1	
208	Hệ thống PT nội soi ổ bụng (DA)	Olympus	Nhật		2010	Mới	1	
209	Bộ tiêu phẫu (DA)				2010	Mới	1	

210	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu (DA)				2010	Mới	2	
211	Bộ dụng cụ cắt bỏ tuyến giáp (DA)				2010	Mới	2	
212	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa (DA)				2010	Mới	1	
213	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa (DA)				2010	Mới	2	
214	Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi khoa (DA)				2010	Mới	1	
215	Bộ dụng cụ phẫu thuật tử cung (DA)				2010	Mới	2	
216	Máy XQ cánh tay C có TV (DA)	Philip	Hà Lan		2010	Mới	1	
217	Máy gây mê kèm giúp thở + nén khí (DA)	Y&G	Mỹ		2011	Mới	2	
218	Dao mổ điện (máy đốt điện) (DA)	Bowa	Đức	2010	2011	Mới	4	
219	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại (DA)				2011	Mới	2	
220	Bộ dụng cụ phẫu thuật trung (DA)				2011	Mới	2	
221	Bộ dụng cụ phẫu thuật chỉnh hình (DA)				2011	Mới	1	
222	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh (DA)				2011	Mới	1	
KHOA GIAI PHẪU BỆNH								
223	Máy ly tâm	Hermle	Đức	2006	2006	Mới	1	
224	Tủ sấy (Memert) UNE 500 Đức	Memmert	Đức		2012	Mới	1	
225	Máy đúc khối tự động Histosta (Anh) SYT	Histostar	UK		2014	Mới	1	
226	Kính hiển vi Leica DM500	Leica	TQ		2016	Mới	1	
227	Máy nhuộm hóa mô miễn dịch (SYT)	Biosystems	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
228	Bể dẫn tiêu bản (G67)	Nickel-Electro	Anh	2021	2023	Mới	1	
229	Hệ thống phẫu tích bệnh phẩm (G67)	Funeralia	Đức	2021	2023	Mới	1	
230	Kính hiển vi có camera, kĩ thuật số (G67)	Olympus	Trung Quốc	2021	2023	Mới	2	
231	Kính hiển vi huỳnh quang có camera,	Olympus	Nhật Bản	2021	2023	Mới	1	

	kĩ thuật số (G67)							
232	Máy cắt lát vi thể quay tay (G67)	Shandon	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
233	Máy cắt tiêu bản lạnh (G67)	Shandon	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
234	Máy nhuộm tiêu bản tự động (G67)	Shandon		2021	2023	Mới	1	
235	Máy sấy tiêu bản (G67)	Nickel	Anh	2021	2023	Mới	1	
236	Máy vùi đúc bệnh phẩm (G67)	Especialidades	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	1	
237	Máy xử lý mô ≥ 200 Casette/mẻ (G67)	Especialidades	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	1	
238	Tủ bảo quản tiêu bản (G67)	Shandon	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
239	Tủ lạnh bảo quản tử thi (2 tử thi) (G67)	Mortech - Mỹ	Mỹ	2021	2023	Mới	2	
240	Tủ bảo quản khối nền(Tủ lưu trữ khối nền) (G68)	Meditech	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	
241	Máy cắt lát vi thể (DA)	Microtec	Đức		2009	Mới	1	
242	Máy chuyển bệnh phẩm tự động (DA)	Leica	Đức		2011	Mới	1	
243	Lò nấu paraffin (DA)	Leica	Đức		2011	Mới	1	
244	Tủ lạnh lưu giữ tử thi (2 xác) (DA)		Đức		2011	Mới	1	
HỒI SỨC TÍCH CỰC								
245	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
246	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
247	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
248	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
249	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
250	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
251	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	

	BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)							
252	Monitor theo dõi bệnh nhân STS BSM-3562 Nihon - Kodan (Nhật)	Nihonkohden	Nhật	2015	2015	Mới	1	
253	Bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2014	2015	Mới	1	
254	Bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2014	2015	Mới	1	
255	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
256	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
257	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
258	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
259	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
260	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
261	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
262	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
263	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
264	Máy chạy thận (TD)	B/Braun	Đức	2014	2015	Mới	1	
265	Hệ thống lọc nước (TD)				2015	Mới	1	
266	Máy lọc máu chu kỳ (SYT)	Fersenius Medical	Đức	2015	2016	Mới	1	
267	Máy lọc máu liên tục (SYT)	Fresenius Medical care	Đức	2015	2016	Mới	1	
268	Bơm tiêm điện tự động Top 5300	Top	Nhật	2014	2016	Mới	1	
269	Bơm tiêm điện tự động Top 5300	Top	Nhật	2014	2016	Mới	1	
270	Bơm tiêm điện tự động Top 5300	Top	Nhật	2014	2016	Mới	1	
271	Bơm tiêm điện tự động Top 5300	Top	Nhật	2014	2016	Mới	1	
272	Hệ thống máy monitor trung tâm	Nihonkohden	Nhật	2016	2016	Mới	1	
273	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
274	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
275	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
276	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
277	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
278	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
279	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
280	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
281	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	

282	Máy chạy thận nhân tạo (SYT)	B/Braun	Đức	2016	2017	Mới	1	
283	Hệ thống máy lọc nước - kèm phụ kiện đi kèm (SYT)	Ebara	Italy	2016	2017	Mới	1	
284	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
285	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
286	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
287	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
288	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
289	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
290	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
291	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
292	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
293	Bộ đèn đặt nội khí quản bóng trong cán	Ri-Standard	Đức		2018	Mới	1	
294	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
295	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
296	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
297	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
298	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
299	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
300	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
301	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
302	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017 2018	2018	Mới	1	
303	Máy chạy thận nhân tạo	Fresenius	Đức	2017	2018	Mới	1	

				2018				
304	Máy hút dịch loại xe đẩy (BVSK)	Mobile Suction	Taiwan	2015	2016	Mới	1	
305	Bộ đặt nội khí quản (BVSK)	Riester	Đức		2016	Mới	1	
306	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (BVSK)	Infinium	Mỹ	2014	2016	Mới	1	
307	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (BVSK)	Infinium	Mỹ	2014	2016	Mới	1	
308	Máy điện tim Mortara (BVSK) gồm (Máy chính, dây nguồn, bộ điện cực)	Mortara	Mỹ		2015	Mới	1	
309	Máy truyền dịch tự động (BVSK)		Italy		2016	Mới	1	
310	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
311	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
312	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
313	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
314	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
315	Máy giúp thở	GE Healthcare	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
316	Máy điện tim 3 cần	Nihonkohden	Trung Quốc	2/2019	2019	Mới	1	
317	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
318	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
319	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
320	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
321	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
322	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
323	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
324	Máy rửa màng lọc thận	Nhất An Sinh	Việt Nam	2021	2021	Mới	1	
325	Máy lọc nước R.O mini	Nhất An Sinh	Việt Nam	2021	2021	Mới	1	
326	Máy thở Vsmart VFS - 410 (Hàng tặng SYT)	Vsmart	Việt Nam	2020	2021	Mới	1	
327	Máy thở Vsmart VFS - 410 (Hàng tặng SYT)	Vsmart	Việt Nam	2020	2021	Mới	1	
328	Máy thở Vsmart VFS - 410 (Hàng tặng SYT)	Vsmart	Việt Nam	2020	2021	Mới	1	

329	Máy thở Vsmart VFS - 410 (Hàng tặng SYT)	Vsmart	Việt Nam	2020	2021	Mới	1	
330	Máy thở Vsmart VFS - 410 (Hàng tặng SYT)	Vsmart	Việt Nam	2020	2021	Mới	1	
331	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Trường Ngoại ngữ Dương Minh tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
332	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Trường Ngoại ngữ Dương Minh tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
333	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Trường Ngoại ngữ Dương Minh tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
334	Máy thở BIPAP (Cty Tân Thành tặng)	Kare	Thổ Nhĩ Kỳ	2021	2021	Mới	1	
335	Máy thở BIPAP (Cty Tân Thành tặng)	Kare	Thổ Nhĩ Kỳ	2021	2021	Mới	1	
336	Máy thở BIPAP (Cty Tân Thành tặng)	Kare	Thổ Nhĩ Kỳ	2021	2021	Mới	1	
337	Máy rửa màng lọc thận (Cty Tân Thành tặng)	Meditop Co., Ltd	Thái Lan	2021	2021	Mới	1	
338	Máy rửa màng lọc thận (Cty Tân Thành tặng)	Meditop Co., Ltd	Thái Lan	2021	2021	Mới	1	
339	Máy rửa màng lọc thận (Cty Tân Thành tặng)	Meditop Co., Ltd	Thái Lan	2021	2021	Mới	1	
340	Máy lọc máu liên tục (Cty Phương Đông tặng)	Gambro Dasco	Italy	2020	2021	Mới	1	
341	Máy lọc nước R.O mini dùng cho lọc máu	Nhất An Sinh	Việt Nam	2021	2021	Mới	1	
342	Máy phun khử khuẩn	DIOP GmbH	Đức	2021	2021	Mới	1	
343	Máy thở xâm lấn (Cty Hadimed tặng)	Siare	Ý	2021	2021	Mới	1	
344	Máy thở xâm lấn (Cty Hadimed tặng)	Siare	Ý	2021	2021	Mới	1	
345	Máy thở xâm lấn (Cty Hadimed tặng)	Siare	Ý	2021	2021	Mới	1	
346	Máy thở xâm lấn (Cty Hadimed tặng)	Siare	Ý	2021	2021	Mới	1	
347	Máy thở xâm lấn (Cty Hadimed tặng)	Siare	Ý	2021	2021	Mới	1	
348	Hệ thống oxy dòng cao (Cty Hadimed)	Biosys	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	2021	Mới	1	

	tặng)							
349	Hệ thống oxy dòng cao (Cty Hadimed tặng)	Biosys	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	2021	Mới	1	
350	Hệ thống oxy dòng cao (Cty Hadimed tặng)	Biosys	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	2021	Mới	1	
351	Máy lọc máu liên tục (Trường Ngoại ngữ Dương Minh tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
352	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Đại Diện Thiện Nguyên tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
353	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Gia đình cô Nguyễn Thị Hồng Tươi tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
354	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ (Gia đình cô Nguyễn Thị Hồng Tươi tặng)	B/Braun	Đức	2020	2021	Mới	1	
355	Máy chạy thận nhân tạo HDF ONLINE (2 bơm máu) (Võ Ngọc Thuận, cô Nguyễn Thị Hồng Tươi tặng)	B/Braun	Đức	2021	2021	Mới	1	
356	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
357	Máy thở chức năng cao (SYT)	Covidien	Ireland	2020	2021	Mới	1	
358	Máy thở chức năng cao (SYT)	Covidien	Ireland	2020	2021	Mới	1	
359	Máy thở cao tần (SYT)	Mek-ics	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
360	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây (SYT)	Covidien	Ireland	2019	2021	Mới	1	
361	Máy phá rung tim có tạo nhịp (SYT)	Advanced Instrumentations, Inc	Mỹ	2020	2021	Mới	1	
362	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
363	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
364	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
365	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
366	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
367	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
368	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	

369	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
370	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
371	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
372	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
373	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
374	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
375	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
376	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
377	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
378	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
379	Máy R.O mini (SYT)	Nhất An Sinh	Việt Nam	2021	2022	Mới	1	
380	Máy R.O mini (SYT)	Nhất An Sinh	Việt Nam	2021	2022	Mới	1	
381	Máy siêu âm Doppler màu chuyên tim 3 đầu dò (G03)	Samsung Medison	Hàn Quốc	2023	2023	Mới	1	
382	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
383	Máy theo dõi bệnh nhân 9 thông (G04)	Digital Science	Mỹ	2023	2023	Mới	2	
384	Bộ đặt nội khí quản có video (G62)	Infinium	Ý	2021	2023	Mới	1	
385	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	18	
386	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	9	
387	Hệ thống theo dõi trung tâm (1 máy theo dõi trung tâm + 16 máy theo dõi tại giường loại 5 thông số) (G62)	Philips	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
388	Máy hút liên tục áp lực thấp chạy điện (G62)	Shin-Ei	Nhật Bản	2020	2023	Mới	3	
389	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (G62)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2023	Mới	2	
390	Máy làm ấm dịch truyền (G62)	Hasaky	Việt Nam	2021	2023	Mới	3	
391	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
392	Máy thận nhân tạo (G62)	B.Braun Avitum	Đức	2020	2023	Mới	13	
393	Máy thận nhân tạo (G62)	B.Braun Avitum	Đức	2020	2023	Mới	17	
394	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	10	

	(G62)							
395	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
396	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	10	
397	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siare	Ý	2020	2023	Mới	9	
398	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siare	Ý	2020	2023	Mới	10	
399	Bơm tiêm kiểm soát đau PCA (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	2	
400	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	5	
401	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	5	
402	Máy phun diệt dịch khử trùng công nghệ phun sương/plasma (G66)	P.E	Việt Nam	2022	2023	Mới	1	
KHOA KHÁM BỆNH								
403	Máy đốt Laser Co2 (VN)	Lasermet Co.Ltd	VN	2014	2014	Mới	1	
404	Máy đo chức năng hô hấp Koko PFT(Nspire Health USA) (Hàng tặng)	nSPIRE	Mỹ		2015	Mới	1	
405	Máy hút khói khử mùi	Lasermet	Việt Nam	2016	2016	Mới	1	
406	Máy đo độ loãng xương (SKH&CNTTV)	Medilink	Pháp	2016	2016	Mới	1	
407	Máy điện tim Cardiofax S (BVSK)	Nihonkohden	Nhật		2014	Mới	1	
408	Máy đo điện tim (GDYK) gồm -Dây nguồn -Dây điện cực	Nihonkohden	Nhật	2014	2015	Mới	1	
409	Máy đo lực bóp tay (GDYK)		Nhật		2015	Mới	1	
410	Máy đo lực cơ toàn thân (GDYK)		Nhật		2004	Mới	1	
411	Máy đo huyết áp tự động	Omron	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
412	Máy đo huyết áp tự động	Omron	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
413	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	

		JSC						
414	Máy điện nã video 64 kênh (G04)	Natus	Canada	2022	2023	Mới	1	
415	Máy đo chức năng hô hấp (G04)	Sibel, S.A.U	Tây Ban Nha	2023	2023	Mới	3	
416	Laser phẫu thuật CO2 ≥ 40W (G66)	Long Phương	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	
417	Máy điện nã đồ (DA)	Nihonkohden	Nhật	2010	2010	Mới	1	
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN								
418	Máy sấy quay	Girbau	Mỹ		1998	Mới	1	
419	Máy cắt vải	Mack	Nhật		2009	Mới	1	
420	Máy hấp tiệt trùng 462 lít	Huxley	Taiwan		2010	Mới	1	
421	Máy hấp tiệt trùng 462 lít	Huxley	Taiwan		2010	Mới	1	
422	Tủ sấy khô dụng cụ (Pháp)	Frane Etuves	Pháp		2014	Mới	1	
423	Máy giặt	Girbau	Tây Bắg Nha		2015	Mới	1	
424	Máy giặt Toshiba BH105M4V (9.5Kg)		TQ	2018	2019	Mới	1	
425	Máy sấy đồ vải ≥ 30kg (BVQDY)	Alliance	Mỹ		2013	Mới	1	
426	Máy giặt công nghiệp ≥ 30kg (BVQDY) Chuyển SYT	Stahl	Đức		2013	Mới	1	
427	Máy giặt, vắt ≥ 50kg	Alliance Laundry	C.H Séc	2020	2021	Mới	1	
428	Hệ thống rửa tay cho 2 phẫu thuật viên (G66)	SX TBYT VN	Việt Nam	2021	2023	Mới	3	
429	Bàn là điện (G68)	Philips	Indonesia (Mua tại Việt Nam)	2020	2023	Mới	1	
430	Máy giặt, vắt đồ vải 35kg (G68)	Primer	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	2	
431	Máy giặt, vắt đồ vải 55kg (G68)	Primer	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	1	
432	Máy hấp tiệt trùng loại 2 cửa dung tích 500 lít (Thiết bị hấp tiệt trùng, 2 cửa trượt lên xuống tự động, dung tích 500 lít) (G68)	Hasaky	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	

433	Máy hấp tiệt trùng loại 2 cửa dung tích 760 lít (Thiết bị hấp tiệt trùng, 2 cửa trượt lên xuống tự động, dung tích 760 lít) (G68)	Hasaky	Việt Nam	2021	2023	Mới	2	
434	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp 173 lít (G68)	HANSHIN	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	1	
435	Máy hấp tiệt trùng công nghệ lạnh 170 lít (Máy hấp nhiệt độ thấp dụng cụ Y tế, dung tích 170 lít) (G68)	P.E	Việt Nam	2020	2023	Mới	1	
436	Máy là đồ vải, loại ru lô (G68)	Immobilare	Ý	2021	2023	Mới	1	
437	Máy rửa khử khuẩn dụng cụ 2 cửa 250 lít (Máy rửa dụng cụ y tế đa kết hợp, dung tích 250 lít) (G68)	P.E	Việt Nam	2020	2023	Mới	1	
438	Máy sấy đồ vải 33kg (G68)	Primer	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	2	
439	Máy sấy đồ vải 55kg (G68)	Primer	Tây Ban Nha	2021	2023	Mới	1	
440	Nồi hấp tiệt trùng hơi nước loại 75 lít (Nồi hấp tiệt trùng 75 lít) (G68)	Hasaky	Việt Nam	2021	2023	Mới	2	
441	Máy sấy		Mỹ			Mới	1	
442	Máy giặt (DA) Chuyên SYT				2010	Mới	1	
443	Máy sấy (DA) Chuyên SYT		Mỹ		2010	Mới	1	
KHOA MẮT								
444	Dụng cụ khám mắt				2000	Mới	1	
445	Bộ vi phẫu 23 khoản				2001	Mới	1	
446	Máy soi đáy mắt gián tiếp OMEGA	Heine	Đức		2008	Mới	1	
447	Bộ vi phẫu mắt				2010	Mới	1	
448	PORTABLE SLITLAMP (Đèn khe xách tay)	Shin-Nippon	Nhật		2012	Mới	1	
449	Máy siêu âm mắt A/B :E-Z Scan AB 5500+ (Mỹ) SYT	Sonomed	Mỹ	2013	2014	Mới	1	
450	Nồi hấp tiệt trùng nhanh (Canada)	Sciean	Canada	2014	2015	Mới	1	
451	Bộ đèn soi mắt BETA 200	Heine	Đức		2016	Mới	1	

452	Máy đo khúc xạ tự động (PCBXH)	Shin-Nippon	Nhật		2011	Mới	1	
453	Máy siêu âm B (PCBXH)	Sonomed 07841	Mỹ	2013	2014	Mới	1	
454	Kính sinh hiển vi khám mắt(PCBXH)	Shin-Nippon	Nhật		2014	Mới	1	
455	Kính sinh hiển vi khám mắt(PCBXH)	Shin-Nippon	Nhật		2014	Mới	1	
456	Bộ dụng cụ mổ mống (PCBXH)				2014	Mới	1	
457	Bộ dụng cụ mổ mống (PCBXH)				2014	Mới	1	
458	Máy đo tật khúc xạ + Dây nguồn (GDYK)		Nhật		2007	Mới	1	
459	Nồi hấp nhanh (Nồi hấp khử trùng dụng cụ mắt) (TTYT Trà Cú)	SciCan	Canada	2012	2015	Mới	1	
460	Máy siêu âm A (TTYT Trà Cú)	Sonomed	Mỹ	2013	2016	Mới	1	
461	Java kế (Máy đo đường kính giác mạc) (TTYT Trà Cú)	Shin -Nippon	Nhật	2012	2016	Mới	1	
462	Sinh hiển vi khám mắt	Haag Streit AG	Thụy sĩ	2021	2021	Mới	1	
463	Hệ thống chụp cắt lớp võng mạc và chụp hình võng mạc (SYT)	Carl Zeiss	Singapore	2019	2021	Mới	1	
464	Máy Laser YAG (SYT)	Carl Zeiss	Đức	2020	2021	Mới	1	
465	Máy chụp đáy mắt hoàn toàn tự động (SYT)	Carl Zeiss	Đức	2020	2021	Mới	1	
466	Kính hiển vi khám mắt cao cấp (SYT)	Carl Zeiss	Belarus	2020	2021	Mới	1	
467	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
468	Lò hấp (Máy hấp nhỏ) (TTPCBXH 13/10/16) (hàng nhập kho không giá)	Autoclave	Đài Loan		2005	Mới	1	
469	Máy đo đường kính giác mạc (VT) JAVAL (PK)		Hà Lan			Mới	1	
470	Máy giác mạc tự động (khúc xạ) (PK)	Shin-Nippon	Nhật			Mới	1	
471	Sinh hiển vi cầm tay (ECF) (TTPCBXH) 13/10/16) (hàng nhập kho không giá)	Shin-Nippon	Nhật		2008	Mới	1	
NGOẠI TỔNG HỢP								
472	Bàn mổ vạn năng (GMHS Chuyên		Taiwan		2000	Mới	1	

	Ngoại TH2)							
473	Máy phun sương khử trùng	Aerosept	Pháp	2003	2004	Mới	1	
474	Bàn mổ đa năng Novel 330 T (GMHS Chuyển Ngoại TH1)		Đài Loan		2011	Mới	1	
475	Máy điện tim 3 cân ECG	Nihonkohden	Nhật	2014	2014	Mới	1	
476	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể HK.ESWL-V (TQ) (SYT)		TQ	2012	2014	Mới	1	
477	Bộ nội soi tiết niệu -Fujinon- Nhật (BVQDY)	Fujinon	Nhật		2015	Mới	1	
478	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
479	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
480	Máy tán sỏi thận ngoài cơ thể (SYT)	HNT Medical	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
481	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2020	2021	Mới	1	
482	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
483	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	2	
484	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	2	
485	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
486	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
487	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	2	
488	Dao đốt điện COBI (GMHS Chuyển Ngoại TH1)	Cobi	Pháp			Mới	1	
489	Máy hút điện (DA)	Power Carry	Nhật		2009	Mới	1	
NGOẠI THÂN KINH								
490	Bàn mổ đa năng ST-08 (Taiwan) (BVQDY) (GMHS Chuyển Ngoại TK)	Sturdy	Taiwan		2016	Mới	1	
491	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
492	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
493	Monitor theo dõi bệnh nhân 5TS	Nihon Koden	Nhật	2017	2018	Mới	1	

	BSM-3562 Nihon - Kodon (Nhật)							
494	Máy đo điện tim 6 cần	Nihon Kodon	Nhật	2017	2018	Mới	1	
495	Tủ lạnh âm sâu	Haier BioMedical	Trung Quốc	2019	2020	Mới	1	
496	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
497	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	2	
498	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	3	
499	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (DA-700) (đợt 3)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2021	Mới	1	
500	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
501	Máy theo dõi áp lực nội sọ (G62)	Raumedic AG	Đức	2021	2023	Mới	1	
502	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
503	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siare	Ý	2020	2023	Mới	1	
504	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	2	
KHOA TRUYỀN NHIỄM								
505	Máy XN hóa học ly tâm	Hettich	Đức		2004	Mới	1	
506	Máy điện tim (PCBXH)	Nihonkohden	Nhật	2010	2011	Mới	1	
507	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
508	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 TS	Nihonkohden	Nhật	2018	2019	Mới	1	
509	Máy đo SPO2	Mediblu	Mỹ	2019	2019	Mới	1	
510	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Shin-Ei	Nhật	2020	2020	Mới	1	
511	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Shin-Ei	Nhật	2020	2020	Mới	1	
512	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Doctor' Friend	Đài Loan	2020	2020	Mới	1	
513	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Doctor' Friend	Đài Loan	2020	2020	Mới	1	
514	Máy đo nồng độ oxy để bàn (BVQDY)	Infinium	Mỹ		2013	Mới	1	
515	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	

	(SYT)							
516	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
517	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
518	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
519	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
520	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
521	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
522	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
523	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
524	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
525	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
526	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
527	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	5	
528	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
529	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	5	
530	Máy hút điện (DA)	Power Carry	Nhật		2009	Mới	1	
531	Máy truyền dịch (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
KHOA NỘI A								
532	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
533	Máy điện tim 3 cần	Nihon Kodan	Trung Quốc	2021	2022	Mới	1	
534	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	2	
535	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	5	
536	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (DA-700) (đợt 3)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2021	Mới	1	
537	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
538	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	3	
539	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	2	
540	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	1	

	loại cầm tay (G62)							
541	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	1	
542	Máy bơm tiêm điện (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
KHOA NỘI TỔNG HỢP								
543	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
544	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
545	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
546	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
547	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
548	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
549	Máy đo nồng độ oxy để bàn (BVQDY)	Infinium	Mỹ		2013	Mới	1	
550	Máy điện tim 3 cần	Nihon Kohden	Trung Quốc	2020	2021	Mới	1	
551	Máy tạo oxy (Loại 10L) (Cty Hadimed tặng)	Yasee	Trung Quốc	2021	2021	Mới	1	
552	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
553	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
554	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
555	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
556	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
557	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
558	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
559	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
560	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	10	
561	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	10	
562	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (G62)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2023	Mới	2	
563	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
564	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	

565	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	5	
566	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	2	
567	Máy phá rung tim (DA)	Nihonkohden	Nhật	2008	2009	Mới	1	
KHOA RĂNG HÀM MẶT								
568	Bộ ghế nha chữa răng	Actus	Thái Lan		2010	Mới	1	
569	Bộ ghế nha chữa răng	Actus	Thái Lan		2010	Mới	1	
570	Máy X-Quang nha & phụ kiện + máy in màu Canon G3010	Midmark-Progeny	Mỹ		2018	Mới	1	
571	Máy nén khí dùng cho nha khoa model: ECO 4	4 Tek	Ý	2018	2019	Mới	1	
572	Máy hút trung tâm (Bơm chân không dùng cho máy hút dịch dùng trong nha khoa) model: CV 3	Midmark	Mỹ	2019	2019	Mới	1	
573	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
574	Bộ máy ghế nha		Thái Lan			Mới	1	
575	Máy nén hơi khí nha (TW)		Ý			Mới	1	
576	Ghế răng (DA)		Thái Lan		2011	Mới	1	
KHOA TÂM THẦN								
577	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
KHOA THẬN KINH								
578	Máy điện tim 3 kênh	Nihonkoden	Nhật	2014	2015	Mới	1	
579	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
580	Bộ đèn đặt nội khí quản bóng trong cán	Ri-Standard	Đức		2018	Mới	1	
581	Máy đo SPO2	Mediblu	Mỹ	2019	2019	Mới	1	
582	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
583	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
584	Máy tạo oxy (Loại 10L) (Cty Hadimed tặng)	Yasee	Trung Quốc	2021	2021	Mới	1	
585	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	

586	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
587	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
588	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
589	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
590	Máy đo điện cơ vi tính 4 kênh (G04)	Natus	Đan Mạch	2021	2023	Mới	1	
591	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	5	
592	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	10	
593	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (DA-700) (đợt 3)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2021	Mới	1	
594	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
595	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
596	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	3	
597	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	1	
598	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	2	
KHOA TIM MẠCH – LÃO KHOA								
599	Máy tạo nhịp tạm thời	Biotronik	Đức		2006	Mới	1	
600	Máy điện tim 3 cân	Nihonkoden	Nhật	2014	2015	Mới	1	
601	Bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2014	2015	Mới	1	
602	Bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2014	2015	Mới	1	
603	Hệ thống rửa tay tiết trùng (PCBXH)		VN		2014	Mới	1	
604	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
605	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
606	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
607	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
608	Bộ đặt nội khí quản (BVSK)	Riester	Đức		2016	Mới	1	
609	Máy đo huyết áp 24 giờ (BVSK) gồm: (1 máy chính, 1 bao huyết áp, 1 dây)	Meditech	Hungary		2017	Mới	1	

	tính hiệu, 1 đĩa dữ liệu)							
610	Máy điện tim 24 giờ (BVSK) gồm: (1 máy chính, 1 USB, 1 điện cực, 1 dây kết nối, 1 đĩa dữ liệu)	Meditech	Hungary		2017	Mới	1	
611	Máy sốc tim	Nihonkohden	Nhật	2018	2019	Mới	1	
612	Máy đo SPO2	Mediblu	Mỹ	2019	2019	Mới	1	
613	Máy điện tim 3 cần	Nihonkohden	Trung Quốc	2/2019	2019	Mới	1	
614	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
615	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
616	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
617	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
618	Máy tạo nhịp tạm thời 1 buồng	Osypka Medical	Đức	2020	2020	Mới	1	
619	Máy monitor TD bệnh nhân 5 thông số	Nihon Kohden	Nhật Bản	2019	2020	Mới	1	
620	Máy sốc tim	Nihon Kohden	Nhật Bản	2019	2020	Mới	1	
621	Máy đo nồng độ oxy để bàn (BVQDY)	Infinium	Mỹ		2013	Mới	1	
622	Máy điện tim ≥ 6 cần (SYT)	Nihon Kohden	Nhật	2020	2021	Mới	1	
623	Bộ đặt nội khí quản có camera (SYT)	Infinium	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
624	Máy tạo nhịp ngoài (SYT)	Biotronik SE	Đức	2019	2021	Mới	1	
625	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
626	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
627	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
628	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
629	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
630	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
631	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
632	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
633	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
634	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
635	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
636	Máy lọc và khử khuẩn không khí	Akida	Mỹ	2019	2021	Mới	1	

	(SYT)							
637	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
638	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
639	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
640	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
641	Máy siêu âm Doppler màu chuyên tim 3 đầu dò (G03)	Samsung	Hàn Quốc	2023	2023	Mới	1	
642	Máy siêu âm Doppler màu xách tay (G03)	GE Medical	Trung Quốc	2022	2023	Mới	1	
643	Hệ thống điện tim gắng sức + thăm chạy (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
644	Holter điện tim + huyết áp (4 đầu ghi điện tim + 4 đầu ghi huyết áp) (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	4	
645	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
646	Máy điện tim 6 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
647	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun Melsungen AG	Đức	2021	2023	Mới	10	
648	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	10	
649	Máy siêu âm nội mạch (G62)	Volcano	Mỹ	2020	2023	Mới	1	
650	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (G62)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2023	Mới	1	
651	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
652	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
653	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	1	
654	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	7	

655	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
656	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập (DA-700) (G62)	Siare	Ý	2020	2023	Mới	1	
657	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	5	
658	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	3	
659	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	2	
660	Máy bơm tiêm điện (DA)	Top	Nhật	2008	2009	Mới	1	
KHOA TAI MŨI HỌNG								
661	Bàn mổ vạn năng (GMHS Chuyên TMH)				1993	Mới	1	
662	Máy hút dịch (hàn quốc)		Korea		2002	Mới	1	
663	Hệ thống nội soi TMH (10 khoản)	Contact	Ukraine	2016	2016	Mới	1	
664	Máy đo thính lực & nhĩ lượng		Denmask	2016	2017	Mới	1	
665	Đèn Clar khám tai mũi họng	Riester	Đức		2018	Mới	1	
666	Đèn Clar khám tai mũi họng	Riester	Đức		2018	Mới	1	
667	Máy hút điện chạy liên tục, áp lực thấp (BVQDY)	in-Ei Industries	Nhật		2013	Mới	1	
668	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
669	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
670	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (DA-700) (đợt 3)	Medica	Thụy Sĩ	2021	2022	Mới	1	
671	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh(G66)	Heine	Đức	2022	2023	Mới	2	
672	Đèn Clar (G68)	Heine	Đức	2021	2023	Mới	11	
673	Bộ phẫu thuật nội soi mũi (DA)		TQ		2009	Mới	1	
KHOA UNG BƯỚU								
674	Máy đo điện tim 6 cần	Nihon Kodan	Nhật	2017	2018	Mới	1	
675	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
676	Máy bơm tiêm điện	Top	Nhật	2018	2019	Mới	1	
677	Máy đốt điện	Alsa	Ý	2/202	2020	Mới	1	

				0				
678	Máy tạo oxy (Loại 10L) (Cty Hadimed tặng)	Yasee	Trung Quốc	2021	2021	Mới	1	
679	Máy tạo oxy (Loại 10L) (Cty Hadimed tặng)	Yasee	Trung Quốc	2021	2021	Mới	1	
680	Máy tạo oxy (Loại 10L) (Cty Hadimed tặng)	Yasee	Trung Quốc	2021	2021	Mới	1	
681	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2019	2021	Mới	1	
682	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
683	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
684	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
685	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
686	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
687	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
688	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
689	Máy truyền dịch (SYT)	Terumo	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
690	Máy đốt khối u gan đầu lạnh (SYT)(GMHS chuyển Ung Bướu)	Covidien	Mỹ	2019	2021	Mới	1	
691	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (SYT)	Nihonkohden	Nhật	2020	2021	Mới	1	
692	Máy siêu âm Doppler màu tổng quát 3 đầu dò (G03)	GE Ultrasound	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	1	
693	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	2	
694	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	5	
695	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	4	
696	Máy hút liên tục áp lực thấp chạy điện (G62)	Shin-Ei	Nhật Bản	2020	2023	Mới	2	
697	Máy hút dịch chạy điện loại 2 bình (DA-700) (đợt 3)	Medica	Thụy Sĩ	2021		Mới	1	
698	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài (DA-700)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	
699	Máy phá rung tim có tạo nhịp ngoài	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2022	Mới	1	

	(DA-700)							
700	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (G62)	Nihon Kohden	Nhật Bản	2020	2023	Mới	5	
701	Bơm tiêm kiểm soát đau PCA (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	17	
702	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại để bàn (G62)	Medtronic	Hàn Quốc	2020-2021	2023	Mới	3	
703	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	2	
704	Hệ thống gia tốc tuyến tính xạ đa mức năng lượng có chức năng xạ trị 3D-CRT, xạ trị quay, xạ trị điều biến liều (IMRT) với bộ chuẩn trực 80 lá (G64)	Elekta	Anh	2021	2023	Mới	1	
705	Máy phun dung dịch khử trùng công nghệ phun sương/plasma (G66)	P.E	Việt Nam	2022	2023	Mới	1	
706	Bàn mổ					Mới	1	
707	Bàn mổ đa năng thị lực (DA) (GMHS Chuyên Ung Bướu)		Taiwan		2011	Mới	1	
KHOA VẬT LÝ TRỊ LIỆU								
708	Máy siêu âm điều trị (Anh - Quốc)	BTL	Anh		2014	Mới	1	
709	Máy siêu âm điều trị điện-kết hợp điện trị liệu (cho bệnh nhân liệt tay, chân) (BV Lao)	Medical Itali	Ý	2013	2018	Mới	1	
710	Bộ tập thể dục tổng hợp (cho BN yếu liệt tay, chân) (BV Lao)	Công Ty Phana	VN	2013	2018	Mới	1	
711	Máy Laser công suất cao	Zimmer	Đức	2020	2020	Mới	1	
712	Thùng nhiệt lạnh	DJO	Mexico	2020	2020	Mới	1	
713	Thùng nhiệt lạnh	DJO	Mexico	2020	2020	Mới	1	
714	Thùng nhiệt nóng	DJO	Mexico	2020	2020	Mới	1	
715	Thùng nhiệt nóng	DJO	Mexico	2020	2020	Mới	1	
716	Máy tập thăng bằng	Chinesport SPA	Ý	2020	2020	Mới	1	
717	Máy tập thăng bằng	Chinesport SPA	Ý	2020	2020	Mới	1	
718	Bàn tập phục hồi chức năng 6 khúc	Chinesport	Ý	2020	2020	Mới	1	
719	Hệ thống máy tập đi có chức năng	Hocoma AG	Thụy sỹ	2020	2020	Mới	1	

	kích thích thần kinh cơ							
720	Hệ thống máy tập đi có chức năng kích thích thần kinh cơ	Hocoma AG	Thụy sỹ	2020	2020	Mới	1	
721	Máy tập phục hồi chức năng tay, chân tại giường có kích thích cơ	Restorative Therapies	Mỹ	2020	2021	Mới	1	
722	Máy tập phục hồi chức năng tay, chân tại giường có kích thích cơ	Restorative Therapies	Mỹ	2020	2021	Mới	1	
723	Máy hỗ trợ và di chuyển bệnh nhân liệt	Chinesport SPA	Ý	2020	2021	Mới	1	
724	Máy hỗ trợ và di chuyển bệnh nhân liệt	Chinesport SPA	Ý	2020	2021	Mới	1	
725	Máy tập phục hồi chức năng tay, chân tại xe lăn	Chinesport SPA	Ý	2020	2021	Mới	1	
726	Máy tập phục hồi chức năng tay, chân tại xe lăn	Chinesport SPA	Ý	2020	2021	Mới	1	
727	Máy tập thụ động khớp vai và khuỷu tay	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
728	Máy tập thụ động khớp gối	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
729	Máy tập thụ động khớp cổ chân	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
730	Máy tập thụ động khớp cổ chân	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
731	Máy điều trị sóng xung kích (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
732	Máy điều trị sóng xung kích (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
733	Máy điều trị chứng khó nuốt (SYT)	DJO-Mỹ	Anh Quốc	2019	2021	Mới	1	
734	Máy điều trị chứng khó nuốt (SYT)	DJO-Mỹ	Anh Quốc	2019	2021	Mới	1	
735	Máy kéo giãn cột sống (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2019	2021	Mới	1	
736	Máy kéo giãn cột sống (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2019	2021	Mới	1	
737	Bàn tập vật lý trị liệu (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
738	Bàn tập vật lý trị liệu (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
739	Bàn tập vật lý trị liệu (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
740	Bàn tập vật lý trị liệu (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
741	Bàn tập vật lý trị liệu (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
742	Máy điện xung kết hợp siêu âm (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	
743	Máy điện xung kết hợp siêu âm (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	

744	Máy sóng ngắn (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	
745	Máy sóng ngắn (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	
746	Máy Laser công suất cao (SYT)	Zimmer	Đức	2019	2021	Mới	1	
747	Máy giác hút chân không (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	
748	Máy giác hút chân không (SYT)	Zimmer	Đức	2020	2021	Mới	1	
749	Máy điều trị từ trường toàn thân (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2020	2021	Mới	1	
750	Máy điều trị từ trường toàn thân (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2020	2021	Mới	1	
751	Xe đạp gắng sức (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2019	2021	Mới	1	
752	Xe đạp gắng sức (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2019	2021	Mới	1	
753	Bàn tập PHCN 6 khúc (SYT)	Chinesport S.p.A	Ý	2020	2021	Mới	1	
754	Máy tập thụ động khớp vai, khuỷu tay (SYT)	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2019	2021	Mới	1	
755	Máy tập thụ động khớp gối (SYT)	CST Co.,Ltd	Hàn Quốc	2020	2021	Mới	1	
756	Laser nội mạch (G66)	Viện vật lý	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	
757	Bồn đun Parafin + thùng nấu sáp điều trị giảm đau (Thùng nấu sáp (Parafin) điều trị giảm đau) (G68)	Phana	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	
758	Máy điện phân điều trị (Thiết bị tổ hợp điện điều trị) (G68)	Viện Vật lý	Việt Nam	2020	2023	Mới	1	
759	Máy kéo giãn cột sống cổ, lưng kèm bàn (G68)	Jiangsu Rixin	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
760	Máy kích thích điện 2 kênh (Thiết Bị Tổ Hợp Điện Điều Trị) (G68)	Viện Vật lý	Việt Nam	2021	2023	Mới	2	
761	Laser điều trị (Thiết Bị Laser Chiếu Ngoài Điều Trị) (G68)	Viện Vật lý	Việt Nam	2020	2023	Mới	2	
762	Máy siêu âm điều trị đa tần 2 đầu (G68)	Cosmogamma	Ý	2020	2023	Mới	1	
763	Máy sóng ngắn điều trị (G68)	Cosmogamma	Ý	2020	2023	Mới	1	
764	Máy từ trường cục bộ (Thiết bị từ trường trị liệu) (G68)	Viện Vật lý	Việt Nam	2021	2023	Mới	1	
765	Đèn tử ngoại (G68)	Semyeong	Hàn Quốc	2021	2023	Mới	2	

KHOA XÉT NGHIỆM								
766	Kính hiển vi CH20	Olympus	Nhật		2000	Mới	1	
767	Tủ ủ binder	Binder	Pháp		1997	Mới	1	
768	Tủ ẩm cấy vi trùng lao	Menmert	Đức		1998	Mới	1	
769	Tủ cấy dung tích lớn		Pháp	1996	1998	Mới	1	
770	Tủ hot cấy vi sinh		Pháp		1998	Mới	1	
771	Tủ lạnh tủ đông	Facis	Pháp		1998	Mới	1	
772	Ngân hàng máu	Facis	Pháp		1996	Mới	1	
773	Máy ly tâm	Hermle	Đức		2006	Mới	1	
774	Kính hiển vi quang học 2 mắt (YS 100)	Nikon	Nhật		2007	Mới	1	
775	Kính hiển vi 2 mắt (TTYTDP)	Nikon	Nhật		2013	Mới	1	
776	Bồn rửa mắt và tắm khẩn cấp (TQ)	Runwangda	TQ		2014	Mới	1	
777	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 800 test/giờ (Nhật)	Beckman Coulter	Nhật		2014	Mới	1	
778	Máy xét nghiệm 24 TS Convergys X5 (Đức) SYT		Đức		2014	Mới	1	
779	Máy xét nghiệm 24 TS Convergys X5 (Đức) SYT		Đức		2014	Mới	1	
780	Hệ thống PCR M x 3005P Agilent Technologies- Mỹ (Đức) SYT	Agilent Technologies	Đức		2014	Mới	1	
781	Máy nhuộm tiêu bản kèm bộ chứa 30 tiêu bản nâng cấp Aerospay Gram (Mỹ) SYT		Mỹ		2014	Mới	1	
782	Máy điện di Hemoglobine: Spife 3000 (Mỹ)		Mỹ		2014	Mới	1	
783	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Thổ Nhĩ Kỳ)	Nuve	Thổ Nhĩ Kỳ	2014	2015	Mới	1	
784	Máy ly tâm tốc độ cao (Mỹ)	Labnet	Mỹ		2015	Mới	1	
785	Tủ thao tác đặt phản ứng PCR VN		VN		2015	Mới	1	
786	Máy ly tâm lạnh	Hettich	Đức	2017	2017	Mới	1	
787	Máy đọc (Elisa Reader)	Awareness	Mỹ	2017	2018	Mới	1	

788	Máy rửa (Elisa Washer)	Awareness	Mỹ	2017	2018	Mới	1	
789	Tủ lạnh trữ máu 120 lít (TTYT Càng Long)	Evermed	Ý		2012	Mới	1	
790	Máy ly tâm 24 ống (BV YHCT)	Hettich	Đức	2017	2018	Mới	1	
791	Pipet + giá đỡ (BVSK) gồm (3 Pipet + 1 giá đỡ) 10-100 μ : 1 cái, 20-200 μ : 1 cái, 100-1000 μ : 1 cái		Nhật		2016	Mới	1	
792	Nồi hấp 72 lít chạy điện (BVSK)		Hàn Quốc	2014	2016	Mới	1	
793	Máy ion đồ 5 thông số (Hợp Nhất tặng)	Sfri	Pháp		2019	Mới	1	
794	Máy ion đồ 5 thông số (Hợp Nhất tặng)	Sfri	Pháp		2019	Mới	1	
795	Máy khí máu động mạch-Easy Blood Gas (Hợp Nhất tặng)	Medical	Mỹ		2019	Mới	1	
796	Máy ly tâm 8 ống (GĐYK)	Hettich	Đức		2007	Mới	1	
797	Hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử	Abbott	Thụy sỹ+Singapore	2020	2021	Mới	1	
798	Máy phân tích điện giải tự động Na/K/Cl/Ca/Ph (Cty Phương Tây tặng)	B&E Bio	Trung Quốc	2020	2021	Mới	1	
799	Máy phân tích HBA1C tự động (Cty Tân Kiều tặng)	Tosoh	Nhật	2020	2021	Mới	1	
800	Máy phân tích huyết học tự động (Thanh Hà tặng)	Beckman Coulter	Mỹ	2021	2023	Mới	1	
801	Hệ thống rửa tay cho 2 phẫu thuật viên (G66)	TBYT VN	Việt Nam	2021	2023	Mới	3	
802	Máy phun dung dịch khử trùng công nghệ phun sương/plasma (G66)	P.E	Việt Nam	2022	2023	Mới	1	
803	Buồng pha hóa chất (G67)	ESCO	Indonesia	2021	2023	Mới	1	
804	Kính hiển vi 2 mắt (G67)	Olympus	Trung Quốc	2021	2023	Mới	4	
805	Máy cất nước 2 lần ≥ 20 lít/giờ (G67)	Labfreez	Trung Quốc	2021	2023	Mới	2	
806	Máy đếm lạc khuẩn (G67)	Interscience	Pháp	2020	2023	Mới	2	

807	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động (G67)	Beckman Coulter	Mỹ	2021	2023	Mới	1	
808	Máy định nhóm máu tự động (G67)	Grifols	Tây Ban Nha	2020	2023	Mới	1	
809	Máy đo độ pH để bàn (G67)	Mettler Toledo	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
810	Máy lắc tiểu cầu + tủ ấm (G67)	LMB	Đức	2021	2023	Mới	1	
811	Máy lắc túi máu (G67)	Lean.S.r.l	Italy	2021	2023	Mới	1	
812	Máy ly tâm tế bào (G67)	Hettich	Đức	2021	2023	Mới	1	
813	Máy ly tâm đa năng ≥ 6000 vòng/phút (G67)	Hettich	Đức	2021	2023	Mới	3	
814	Máy phân tích đông máu tự động (G67)	Instrumentation	Mỹ	2020	2023	Mới	1	
815	Máy phân tích huyết học tự động ≥ 26 thông số (G67)	Diatron	Hungary	2021	2023	Mới	1	
816	Máy phân tích khí máu (G67)	Techno Medica	Nhật Bản	2021	2023	Mới	1	
817	Máy phân tích miễn dịch tự động ≥ 200 test/giờ (G67)	Beckman Coulter	Mỹ	2020	2023	Mới	1	
818	Máy phân tích nước tiểu ≥ 10 thông số (G67)	77 Elektronika	Hungary	2021	2023	Mới	1	
819	Máy phân tích sinh hóa tự động ≥ 1200 test/giờ (G67)	Beckman Coulter	Nhật Bản	2021	2023	Mới	1	
820	Nồi cách thủy ≥ 22 lít (G67)	Memmert GmbH + Co. KG	Đức	2020-2021	2023	Mới	2	
821	Tủ an toàn sinh học cấp II (G67)	Esco	Indonesia	2021	2023	Mới	1	
822	Tủ ấm 37 độ C ≥ 100 lít (G67)	Memmert	Đức	2021	2023	Mới	5	
823	Tủ hút khí độc (Tủ HOOD) (G67)	Esco	Indonesia	2020-2021	2023	Mới	2	
824	Tủ làm ấm máu (G67)	Qingdao Haier	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	
825	Tủ lạnh âm sâu -25 độ C, dung tích ≥ 400 lít (G67)	KW Apparecchi	Ý	2021	2023	Mới	2	
826	Tủ lạnh bảo quản hóa chất, 4 độ C, dung tích ≥ 500 lít (G67)	KW Apparecchi	Ý	2021	2023	Mới	1	
827	Tủ lạnh bảo quản máu (dung tích $\geq$	Qingdao Haier	Trung Quốc	2021	2023	Mới	1	

	360 lít) (G67)							
828	Tủ trữ máu (SYT)		Nhật			Mới	1	
829	Tủ trữ máu	Sanyo	Nhật			Mới	2	
830	Tủ lạnh (trữ máu) MRB/280	Electrolux	Đan Mạch			Mới	1	
831	Tủ cây EB 55 (tủ ủ)	Jouan	Pháp	1996		Mới	1	
832	Kính hiển vi 2 mắt (DA)	Olympus	Philippin		2009	Mới	1	
833	Kính hiển vi có camera (DA) (GPB Chuyên XN)	CX	Philippin		2009	Mới	1	
834	Máy sinh hóa nước tiểu (DA)		Ireland		2009	Mới	2	
835	Pipette tự động (DA)				2009	Mới	1	
836	Tủ lạnh trữ máu (DA)		Nhật		2009	Mới	1	
837	Máy phân tích miễn dịch tự động (DA)	Aschitect	Mỹ		2010	Mới	1	
838	Máy phân tích VK+ kháng sinh đồ (DA)		Mỹ	2010	2011	Mới	1	
839	Máy phân tích sinh hóa tự động > 400 test (DA)	Beckman Coulter	Nhật		2011	Mới	1	
KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN								
840	Thiết bị LASER 10 đầu châm M 302 A		VN		2011	Mới	1	
841	Máy châm cứu laser		VN	2016	2016	Mới	1	
842	Máy điện châm chân không (máy kích thích châm cứu bề mặt) : Chungwoo: NSX : hàn Quốc: Model : CWM- :Mã số :710200C : năm 2017	Chungwoo	Hàn Quốc	2017	2017	Mới	1	
843	Máy điện châm (10 kênh) (BV Lao)	Viện vật lý	VN	2013	2018	Mới	1	
844	Máy điện châm (10 kênh) (BV Lao)	Viện vật lý	VN	2013	2018	Mới	1	
845	Máy điện tim 6 cần Cardiofax S (BVSK)	Nihonkohden	Nhật	2008	2009	Mới	1	
846	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	1	
PHÒNG VẬT TƯ – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ								
847	Tủ lạnh tủ đông	Facis	Pháp		1998	Mới	1	
848	Máy thở cơ động (IRELAND)		Ireland		2020	Mới	1	

	(BVQDY)							
849	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2017	Mới	1	
850	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
851	Máy bơm tiêm tự động	Top	Nhật	2017	2018	Mới	1	
852	Ngô ra & đồng hồ lưu lượng oxy tường		Nhật		2017	Mới	1	
853	Hệ thống đường ống khí oxy (gồm thiết bị và chi phí dịch vụ)		Nhật		2018	Mới	1	
854	Kẹp gấp sỏi loại dẻo	Karl Storz	Đức		2018	Mới	1	
855	Máy rửa quả lọc thận	Tuscano	Ân Độ	2017	2018	Mới	3	
856	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số Uritek TC-101/Mỹ(BVSK)	Teco Diagnostics	Mỹ		2016	Mới	1	
857	Máy xét nghiệm miễn dịch Vedalab/Pháp (BVSK)	Vedalab	Pháp		2016	Mới	1	
858	Máy hút dịch loại xe đẩy (BVSK)	Mobile Suction	Taiwan	2015	2016	Mới	1	
859	Máy tạo oxy từ khí trời 5 lít/phút (BVSK)		Taiwan	2014	2016	Mới	2	
860	Cân kỹ thuật 0,1 gram (BVSK)	Ohaus	Mỹ		2016	Mới	1	
861	Máy đo SPO2 cầm tay	Mediblu	Mỹ	2018	2019	Mới	1	
862	Máy điện tim 3 cần	Nihonkohden	Trung Quốc	2/2019	2019	Mới	1	
863	Máy sấy khí tác nhân lạnh	Orion	Thái Lan	2019	2020	Mới	1	
864	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa (BVQDY)		Đức		2012	Mới	1	
865	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa (BVQDY)		Đức		2013	Mới	1	
866	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương (BVQDY)		Đức		2012	Mới	1	
867	Máy điện tim ≥ 6 cần (SYT)	Nihon Kohden	Nhật	2020	2021	Mới	1	
868	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
869	Bơm tiêm điện (SYT)	Top	Nhật Bản	2019	2021	Mới	1	
870	Máy điện tim 3 kênh (G04)	BTL Industries	Bulgaria	2022	2023	Mới	13	
871	Bơm tiêm điện (G62)	B.Braun	Đức	2021	2023	Mới	50	

872	Bơm truyền dịch (G62)	B.Braun	Đức	2020	2023	Mới	5	
873	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu loại cầm tay (G62)	EnviteC	Đức	2021	2023	Mới	3	
874	Tủ âm CO ₂ , ≥ 170 lít (G67)	Memmert	Đức	2021	2023	Mới	1	
875	Bộ dụng cụ sửa chữa TTB (DA)				2008	Mới	1	